

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,
quốc phòng, an ninh năm 2026 và dự kiến kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2027**

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027; Công văn số 8453/BTC-NSNN ngày 19/6/2026 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027; theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 5869/STC-THQH ngày 09/7/2026 và trên cơ sở ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kết luận số 1038-KL/TU ngày 18/7/2026, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2026 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2027 của tỉnh, như sau:

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026**

Năm 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng - năm diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XVI và HĐND các cấp - năm mở đầu giai đoạn phát triển mới phần đầu tăng trưởng 2 con số, với nhiều thời cơ và thách thức đan xen. Tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro, nhất là tác động, ảnh hưởng tình hình xung đột Trung Đông; việc triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng. Ngay từ đầu năm, thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ; trên cơ sở điều kiện thực tế tại địa phương, kết luận và chỉ đạo của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định, Chỉ thị, Kế hoạch quán triệt, tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phát động Phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với khẩu hiệu “*Đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, thi đua xây dựng tỉnh Quảng Ngãi giàu, đẹp, văn minh*”. UBND tỉnh cũng đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban ngành, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương

khẩn trương khắc phục những tồn tại, hạn chế, vượt qua khó khăn, thách thức, chủ động bám sát tình hình, triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được phân công. Nhờ sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến cơ sở, cộng đồng doanh nghiệp và toàn dân trên địa bàn tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội năm 2026 đạt được nhiều kết quả tích cực, quốc phòng, an ninh được tăng cường giữ vững.

I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026

1. Kết quả đạt được theo ngành, lĩnh vực

Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá, theo số liệu thông báo (lần 1) của Cục Thống kê¹ ngày 29/6/2026, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2026 (theo giá so sánh năm 2020) ước đạt 166.134 tỷ đồng, tăng 10,44% so với năm 2025.

Quy mô nền kinh tế (GRDP theo giá hiện hành) năm 2026 ước đạt 223.048 tỷ đồng, tăng 17,8% so với năm 2025. Cơ cấu kinh tế: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 17,4%; Khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 42,6% (trong đó: Công nghiệp 37,3%); Khu vực dịch vụ chiếm 28,1%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 11,8%.

2.1. Lĩnh vực kinh tế

a) Về phát triển công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2026 ước đạt 113%, tăng 13% so với thực hiện năm 2025, đạt kế hoạch. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2026 ước đạt 318.097 tỷ đồng, tăng 24,1% so với năm 2025, trong đó: Lọc hóa dầu ước đạt 74.795 tỷ đồng; Thép ước đạt 137.943 tỷ đồng.

Đa số các sản phẩm công nghiệp đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra: Sản phẩm lọc hóa dầu ước đạt 7,963 triệu tấn, vượt 10,6%; Cuộn cảm ước đạt 90 triệu cái, vượt 18,4%; Giày da các loại ước đạt 23 triệu đôi, vượt 4,5%; Bia các loại ước đạt 230 triệu lít, vượt 4,5%; Dăm gỗ nguyên liệu ước đạt 900.000 tấn, vượt 12,5%; Sợi ước đạt 63.000 tấn, vượt 1,6%; Bánh kẹo các loại ước đạt 11.700 tấn, vượt 1,7%; Sữa các loại ước đạt 71.000 nghìn lít, vượt 1,4%; đường ước đạt 19.500 tấn, vượt 2,6%; Gạch nung các loại đạt 410 triệu viên, vượt 2,5%; Điện sản xuất ước đạt 10.332 triệu kw/h, vượt 4,3%; Nước khoáng đạt 130 triệu lít, đạt 100%; Phân bón đạt 35.000 tấn, đạt 100%; Đá xây dựng các loại đạt 2.550 nghìn m³, đạt 100%; Tinh bột mỳ đạt 360.000 tấn, đạt 100%; Nước máy thương phẩm đạt 25 triệu m³, đạt 100%; Thép ước đạt 10 triệu tấn, đạt 100%. Riêng điện thương phẩm ước đạt 3.500 triệu kw/h, đạt 95,8% kế hoạch năm, nguyên nhân Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất sử dụng điện sản xuất tự tiêu nên Công ty mua điện thương phẩm giảm.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả Nghị quyết đột phá của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia (Nghị quyết

¹ Công văn số 1826/CTK-TKQG ngày 29/6/2026 của Cục Thống kê về việc thông báo số liệu GRDP ước tính năm 2026 (lần 1).

số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025) và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết (Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 21/11/2025); trình Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 22/6/2026 về phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn trên địa bàn tỉnh; tích cực phối hợp với Bộ Công Thương hoàn thiện hồ sơ Đề án và dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Về thương mại, dịch vụ và giá cả thị trường

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2026 ước đạt 147.390 tỷ đồng, tăng 12,4% so với năm 2025, vượt 1,6% kế hoạch năm (KH: 145.000 tỷ đồng).

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2026 ước đạt 3.407 triệu USD, tăng 15% so với năm 2025, vượt 7% kế hoạch năm (KH: 3.170 triệu USD) (Trong đó phân theo nhóm ngành: nhóm nông lâm thủy sản giảm 0,4%, nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 18%; nhóm nhiên liệu, khoáng sản tăng 95% so với năm trước). Đa số các sản phẩm đạt và vượt so với kế hoạch năm 2026².

- Kim ngạch nhập khẩu năm 2026 ước đạt 6.240 triệu USD, tăng 18,4% so với năm 2025, đạt 100% kế hoạch năm (KH: 6.240 triệu USD). Hầu hết các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên, nhiên liệu, phụ liệu và máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất đều đạt và vượt kế hoạch³.

- Hoạt động vận tải (không kể vận tải đường sắt): Doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 13.500 tỷ đồng, tăng 27% so với cùng kỳ và vượt 19% kế hoạch.

- Tín dụng ngân hàng: Ước đến cuối tháng 12/2026, tổng huy động vốn của các tổ chức tín dụng đạt 154.610 tỷ đồng, tăng 12% so với cuối năm 2025; dư nợ các thành phần kinh tế đạt 145.697 tỷ đồng, tăng 10%; nợ xấu là 3.500 tỷ đồng, chiếm 2,4% tổng dư nợ.

c) Về phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản

Ngành nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ từ tư duy “sản xuất” sang “kinh tế nông nghiệp”, tập trung vào chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực. Giá trị sản xuất nông, lâm và thủy sản năm 2026 ước đạt 52.005 tỷ đồng, tăng 4,5% so với năm 2025.

- Về trồng trọt: Năng suất lúa vụ Đông Xuân 2025-2026 đạt kết quả khả

² Tinh bột mỳ ước đạt 212,7 triệu USD, vượt 11%; Đồ gỗ ước đạt 8,5 triệu USD, vượt 2%; Dăm gỗ nguyên liệu giấy ước đạt 119 triệu USD, vượt 2%; Dầu FO đạt 144 triệu USD, vượt 92%; Giấy da các loại đạt 248 triệu USD, đạt 100%; Cao su đạt 340 triệu USD, vượt 10%; Dây thun khoanh đạt 6,4 triệu USD, vượt 7%; Hàng hóa khác (Cuộn cảm, thiết bị, hệ thống điều phối khí xả, bọc đệm ghế, đệm lò xo, bộ phận của ghế, bộ dây điện, bộ dây nguồn, nệm mút, khung giường bằng kim loại, bàn nhựa plastic, giường kim loại, ghế sofa, vỏ bọc ghế sofa,...) ước đạt 936 triệu USD, đạt 100%. Riêng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm cơ khí ước đạt 113 triệu USD, đạt 86% kế hoạch năm (Sản phẩm cơ khí chủ yếu là sản phẩm của Công ty TNHH HD Hyundai Eco Vina là sản phẩm công nghiệp siêu trường, siêu trọng chưa đến kỳ xuất khẩu theo đơn đặt hàng).

³ Riêng kim ngạch nhập khẩu dầu thô ước đạt 1.508 triệu USD, đạt 83% kế hoạch năm (Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam điều chỉnh kế hoạch nhập dầu thô nguyên liệu phục vụ sản xuất, ưu tiên mua tối đa nguồn nội địa).

quan, ước đạt 61,62 tạ/ha, sản lượng đạt 282.523 tấn, vượt 5,76% kế hoạch; sản lượng lương thực có hạt cả năm 2026 ước đạt 100% kế hoạch đề ra. Tỉnh quyết liệt thực hiện chuyển đổi các diện tích đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng hàng năm khác có giá trị kinh tế cao hơn; các loại cây công nghiệp ngắn ngày và rau màu như lạc, đậu, sắn đều ước đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch cả năm. Tổng diện tích cây cà phê 36.373 ha, tăng 6% so với năm 2025, đạt kế hoạch năm 2026; cao su 82.760 ha, bằng 99,8%, vượt 1,4% kế hoạch; cây mắc ca: 4.448 ha, tăng 3,2%, đạt kế hoạch; trồng Sâm Ngọc Linh dưới tán rừng: 3.422 ha, tăng 6%, đạt kế hoạch năm, tập trung mở rộng diện tích trồng Sâm Ngọc Linh với mục tiêu đạt 3.922 ha vào năm 2027. Công tác dự tính, dự báo sinh vật gây hại được thực hiện định kỳ 7 ngày/lần, giúp hướng dẫn nông dân phòng trừ kịp thời trên 4.518 ha lúa và 478 ha rau màu, không để dịch bệnh bùng phát thành dịch.

- *Về chăn nuôi*: Tổng đàn gia súc 6 tháng đầu năm đạt 1.132.531 con (89,85% kế hoạch), trong đó: đàn lợn đạt 697.901 con, vượt kế hoạch năm (đạt 100,39%). Sản lượng thịt hơi xuất chuồng cả năm ước đạt 136.000 tấn, hoàn thành 100% kế hoạch. Một số dịch bệnh nguy hiểm (Dịch tả lợn Châu Phi, Viêm da nổi cục⁴, Đại, Cúm gia cầm) phát sinh nhỏ lẻ tại các hộ chăn nuôi truyền thống đã được xử lý dứt điểm, không để lây lan diện rộng.

- *Về lâm nghiệp*: Tỷ lệ che phủ rừng năm 2026 ước đạt 59,65%, duy trì ổn định mục tiêu bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu. Diện tích trồng rừng tập trung 6 tháng đầu năm ước đạt 14.101,27 ha (đạt 46,49% kế hoạch), chủ yếu là rừng sản xuất; lũy kế trồng được 315.600 cây phân tán các loại. Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 1.241.466 m³, đạt 46,8% kế hoạch năm. Công tác quản lý bảo vệ rừng⁵, phòng cháy chữa cháy rừng được tăng cường, bố trí lực lượng ở địa bàn xung yếu có nguy cơ cháy rừng cao, thường trực 24/24 giờ trong thời điểm nắng nóng kéo dài, sớm phát hiện lửa rừng và báo cáo kịp thời khi có cháy rừng xảy ra.

- *Về thủy sản*: Sản lượng đánh bắt cả năm ước đạt 265.746 tấn, giảm 4,5% so với 2025, đạt 100% kế hoạch năm⁶; sản lượng nuôi trồng ước đạt 17.547 tấn, tăng 3,3% so với 2024, đạt 100% kế hoạch năm⁷.

- Thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU): Tỉnh đã ban hành và triển khai quyết liệt Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 08/6/2026 nhằm khắc phục các tồn tại trong chống khai thác IUU theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện trực ban

⁴ Tỷ lệ tiêm phòng vắc-xin Viêm da nổi cục đợt 1/2026 đạt 86% kế hoạch. Toàn tỉnh hiện có 09 cơ sở chăn nuôi được cấp giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật còn hiệu lực.

⁵ Đến tháng 6/2026, có 18/20 chủ rừng là tổ chức đã xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững được phê duyệt, với tổng diện tích 543.131,26 ha; tổng diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) đạt 34.091,58 ha, góp phần hình thành vùng nguyên liệu tập trung phục vụ xuất khẩu; đang rà soát và triển khai thí điểm dịch vụ hấp thụ và lưu giữ carbon của rừng nhằm nâng cao giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng.

⁶ Tổng số lượng tàu thuyền được cập nhật vào hệ thống VNFishbase là 4.871 chiếc. Dù giá nhiên liệu có biến động tăng, ngư dân vẫn nỗ lực duy trì sản xuất, góp phần hiện diện dân sự trên các vùng biển xa.

⁷ Diện tích nuôi trồng ước đạt 2.530 ha. Tỉnh đã tập trung phát triển các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao như cá bớp, hàu Thái Bình Dương và cá nước ngọt tại các hồ chứa phía Tây.

24/24 giờ để giám sát biến động của đội tàu cá trên biển. Đến nay, 99,53% tàu cá có chiều dài từ 15 mét trở lên đã lắp đặt thiết bị VMS (2.980/2.994 tàu); 100% tàu đang hoạt động trên biển đều duy trì kết nối. Hệ thống truy xuất nguồn gốc thủy sản điện tử (eCDT) bước đầu được vận hành hiệu quả tại các cảng cá.

d) Thu chi ngân sách

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2026 ước đạt 29.975 tỷ đồng, bằng 88,5% dự toán HĐND tỉnh giao⁸; bằng 83,2% so với thực hiện năm 2025. Trong đó: Thu nội địa cả năm ước đạt 17.827 tỷ đồng, bằng 77,3% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 78,6% so với thực hiện năm 2025⁹; Thu hoạt động xuất nhập khẩu cả năm 2026 ước đạt 12.128 tỷ đồng, bằng 112,3% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 91% so với năm 2025; Thu viện trợ, Thu huy động, đóng góp: năm 2026 ước đạt 20 tỷ đồng, phát sinh ngoài dự toán giao.

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2026 ước đạt 32.426 tỷ đồng, bằng 109,7% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 97,6% so với thực hiện năm 2025¹⁰. Công tác quản lý, điều hành và kiểm soát chi ngân sách được thực hiện theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả.

đ) Đầu tư phát triển

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 6 tháng đầu năm 2026 ước đạt 22.696 tỷ đồng, giảm 42,5% so với cùng kỳ năm 2025, đạt khoảng 22,7% kế hoạch năm 2026. Ước cả năm 2026 đạt 50.000 tỷ đồng, giảm 33,4% so với cùng kỳ năm 2025, đạt khoảng 50% kế hoạch năm 2026.

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư năm 2026 của tỉnh là 7.454 tỷ đồng. Sau khi thực hiện tiết kiệm 5% kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 của địa phương là 7.161 tỷ đồng¹¹. Để đảm bảo thực hiện hoàn thành mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công năm 2026, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 15/01/2026 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026; ban hành Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 30/01/2026 về tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2026; thành lập 02 Tổ công tác đơn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, định kỳ hằng tuần và đột xuất tổ chức họp đơn đốc giải

⁸ Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2026 không đạt dự toán HĐND tỉnh giao. Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng bởi chính sách điều chỉnh mức thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng, dầu và nhiên liệu bay của Quốc hội, Chính phủ (trong đó, giảm 50% thuế BVMT đối với xăng dầu) đã ảnh hưởng lớn đến số thu nộp vào ngân sách nhà nước; thị trường bất động sản duy trì sự trầm lắng kéo dài, các dự án khu dân cư, khu đô thị nhất là các dự án do tỉnh làm chủ đầu tư triển khai chậm do vướng mắc trong quá trình thực hiện đã ảnh hưởng đến các khoản thu liên quan đến đất đai.

⁹ Thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất ước đạt 6.213 tỷ đồng, bằng 88,8% dự toán giao và bằng 65,4% so với thực hiện năm 2025; thu tiền sử dụng đất ước đạt 1.300 tỷ đồng, bằng 39,1% dự toán giao và bằng 141,9% so với thực hiện năm 2025; Các khoản thu còn lại ước đạt 10.314 tỷ đồng, bằng 81,1% dự toán giao và bằng 84,2% so với thực hiện năm 2025.

¹⁰ Trong đó: Chi đầu tư phát triển ước đạt 4.864 tỷ đồng, bằng 79% dự toán giao và bằng 97,1% so với thực hiện năm 2025. Chi thường xuyên ước đạt 22.307 tỷ đồng, bằng 113,7% dự toán giao và bằng 101,5% so với thực hiện năm 2025. Chi các chương trình mục tiêu từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu ước đạt 4.345 tỷ đồng, bằng 133,6% dự toán giao và bằng 69,6% so với thực hiện năm 2025.

¹¹ Trong đó, vốn ngân sách địa phương là 5.569 tỷ đồng, ngân sách trung ương là 1.592 tỷ đồng.

ngân, kiểm tra tiến độ các dự án trọng điểm để kịp thời chỉ đạo giải quyết các khó khăn, vướng mắc, đồng thời, ban hành các văn bản chỉ đạo nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công. Lũy kế đến ngày 30/6/2026, toàn tỉnh giải ngân khoảng 2.115 tỷ đồng, bằng 28,4% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao, bằng 29,5% kế hoạch vốn giao sau khi thực hiện tiết kiệm 5% ngân sách địa phương; trong đó ngân sách trung ương 540 tỷ đồng, bằng 33,9%; ngân sách địa phương 1.575 tỷ đồng, bằng 26,9%. Phấn đấu năm 2026 giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn được giao.

e) Thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, phát triển đô thị, phát triển nhà ở

- Ban hành Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Danh mục các dự án quy hoạch đô thị và nông thôn dự kiến triển khai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2028; ủy quyền cho UBND xã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch chung xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; chỉ đạo triển khai tổ chức lập các 04 dự án Quy hoạch phân khu (MĐ2, MC1, MB1, H2+PE1) thuộc Quy hoạch chung Khu du lịch Măng Đen và 01 dự án Quy hoạch phân khu Quần thể đô thị nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái Thạch Bích - núi Chúa;...

- Công tác phát triển đô thị được triển khai tích cực, đã rà soát, công bố danh mục đô thị loại II, loại III, phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; tổ chức xây dựng Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030; xây dựng Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030; rà soát, tạo lập, cập nhật dữ liệu đô thị lên Hệ thống cơ sở dữ liệu về phát triển đô thị... Qua đó, góp phần thay đổi diện mạo đô thị theo hướng hiện đại, đồng bộ và bền vững, ước thực hiện năm 2026, tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt khoảng 30,6%; tỷ lệ cây xanh đô thị ước đạt 13,91 m²/người; tỷ lệ hộ dân cư đô thị dùng nước sạch ước đạt 91,77%, đều đạt kế hoạch năm.

- Chỉ đạo tập trung triển khai thực hiện chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội giai đoạn 2025-2030 theo Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 12/01/2026 của Chính phủ; hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 412 căn hộ hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng¹² và 07 dự án đang triển khai thực hiện đầu tư xây dựng¹³. Bên cạnh đó, tỉnh đã triển khai và đưa vào hoạt động 06 dự án nhà ở cho công nhân và 01 dự án nhà ở xã hội cho thuê, đa phần các dự án nhà ở công nhân do các doanh nghiệp có quy mô lớn đầu tư tại Khu kinh tế Dung Quất, phục vụ cho công nhân của các doanh nghiệp với tổng số lượng căn hộ dành để cho thuê trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tính đến nay là 1.390 căn.

g) Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

¹² Gồm: 96 căn thuộc KDC Hoàng Thành phường Đăk Cẩm, 96 căn chuyển đổi công năng từ nhà ở tái định cư sang NOXH, 96 căn tại Dự án NOXH - Nhà ở tái định cư tại KĐT phía Nam cầu Đăk Bla; 124 căn thuộc Khu nhà ở công nhân Hòa Phát – Dung Quất.

¹³ Nhà ở xã hội (NOXH) tại dự án KDC Hoàng Thành phường Đăk Cẩm; NOXH HUD Phú Mỹ tại dự án KĐT Phú Mỹ, xã An Phú; NOXH Công đoàn tại xã Thọ Phong; NOXH thuộc Khu thiết chế Công đoàn tại xã Thọ Phong; NOXH dành cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại lô đất C1, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi; NOXH tại xã Bình Sơn tại xã Bình Sơn; NOXH Cẩm Thành tại phường Cẩm Thành.

- Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 về Kế hoạch hành động thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh năm 2026, theo đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương tập trung tổ chức triển khai đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra, tăng cường phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu và hiệu quả thực thi công vụ, góp phần cải thiện chất lượng điều hành kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Triển khai Kế hoạch tổ chức các hoạt động Xúc tiến đầu tư tại chỗ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2026. Làm việc với Đoàn Hiệp hội doanh nghiệp Quảng Tây tại Thượng Hải tại tỉnh; với Đoàn doanh nghiệp Hội đồng Hương Quảng Ngãi tại Thành phố Hồ Chí Minh đi nghiên cứu, khảo sát cơ hội đầu tư tại tỉnh Quảng Ngãi; với Hiệp hội Doanh nghiệp Hồng Kông (Trung Quốc) tại Việt Nam,... Tổ chức thành công Hội thảo, đối thoại để chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh gặp gỡ, trao đổi trực tiếp về chuyển đổi mô hình hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sang mô hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (đợt 1) năm 2026; Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh liên quan đến lĩnh vực đất đai. Tổ chức thành công trưng bày, giới thiệu sản phẩm tỉnh Quảng Ngãi tại Hội chợ Mùa xuân lần thứ nhất năm 2026 tại Hà Nội và tham gia hiệu quả các Hội chợ Thương mại Quốc tế trong và ngoài nước¹⁴. Tổ chức thành công 02 Phiên chợ hàng Việt về xã Ba Tơ và Sơn Hà năm 2026, góp phần đưa hàng Việt đến khu vực miền núi, thúc đẩy kết nối cung cầu và hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ.

Theo kết quả công bố năm 2025, Chỉ số Hiệu quả Kinh tế tư nhân (BPI) năm 2025 tỉnh Quảng Ngãi xếp thứ 8/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; điều này phản ánh sự năng động, khả năng thích ứng và đổi mới của cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, đồng thời cho thấy những nỗ lực của tỉnh trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách hành chính và đồng hành cùng doanh nghiệp thời gian qua. Tuy nhiên, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2025 tỉnh Quảng Ngãi thuộc nhóm chất lượng điều hành thấp. Mặc dù PCI năm 2025 là bộ chỉ số phiên bản mới (PCI 2.0), có sự thay đổi lớn về phương pháp đánh giá, phạm vi đo lường, đơn vị so sánh sau sắp xếp đơn vị hành chính và là năm các địa phương sáp nhập tỉnh từ ngày 01/7/2025; tuy nhiên, đây là kết quả cần nghiêm túc nhìn nhận, đánh giá đầy đủ, khách quan và toàn diện để có giải pháp khắc phục hiệu quả trong thời gian tới.

- Triển khai thực hiện nghiêm các Nghị quyết đột phá chiến lược của Bộ

¹⁴ Tham gia Hội chợ Thương mại Quốc tế Tĩnh Biên - An Giang năm 2026, nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Quảng Ngãi quảng bá sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản, đặc trưng của tỉnh; đồng thời giới thiệu tiềm năng du lịch, cơ hội đầu tư của tỉnh đến người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt là từ Lào và Campuchia. Tham gia Hội chợ Thương mại Festival Huế, nhằm quảng bá hình ảnh, tiềm năng và thế mạnh của tỉnh Quảng Ngãi; đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng và đặc sản địa phương đến người tiêu dùng. Tham gia Hội chợ Thương mại, Du lịch Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam tại tỉnh Champasak, nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào.

Chính trị: (1) về phát triển kinh tế tư nhân (Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025); (2) về phát triển kinh tế nhà nước (Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026); (3) về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026) và các Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện các Nghị quyết đột phá của Bộ Chính trị nêu trên (Kế hoạch số 15-KH/TU ngày 15/8/2025 và Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 03/3/2026). Công tác phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư tiếp tục được chú trọng. Từ đầu năm đến 30/6/2026, đã cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư cho 11 dự án với tổng vốn đăng ký 3.840 tỷ đồng¹⁵; thực hiện điều chỉnh 17 dự án (trong đó: điều chỉnh tăng vốn 5.359 tỷ đồng, giảm vốn 20 tỷ đồng); thu hồi 07 dự án với tổng vốn đầu tư 720 tỷ đồng; vốn thực hiện cả năm 2026 ước đạt 30.000 tỷ đồng, số dự án dự kiến cấp mới 15 dự án; bên cạnh đó, từ đầu năm 2026 đến nay, đã chấp thuận chủ trương đầu tư 02 dự án để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, tổng vốn đăng ký 932,7 tỷ đồng¹⁶; lựa chọn nhà đầu tư 07 dự án thông qua đấu thầu, tổng vốn đầu tư 43.467 tỷ đồng. Đã cấp phép mới cho 01 dự án FDI¹⁷ với tổng vốn đầu tư 350.000 USD; điều chỉnh 13 dự án (trong đó, điều chỉnh tăng vốn đầu tư 07 dự án khoảng 38,6 triệu USD); thu hồi 05 dự án với tổng vốn 7.065 triệu USD; vốn thực hiện cả năm 2026 ước đạt 125 triệu USD. Thành lập mới 947 doanh nghiệp, tăng 39,3% so với cùng kỳ, đạt 59,2% kế hoạch; tổng vốn điều lệ khoảng 5.952 tỷ đồng, tăng 58,8% so với cùng kỳ; có 230 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 6,48% so với cùng kỳ; có 175 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể theo quy định. Ước cả năm 2026, thành lập mới 1.700 doanh nghiệp, tăng 19% so với năm 2025, vượt 6% kế hoạch; tổng vốn điều lệ khoảng 11.904 tỷ đồng, tăng 63%.

h) Về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài

Trong thời gian qua, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan Trung ương đã có nhiều chỉ đạo, hướng dẫn tháo gỡ; các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan đã tích cực tập trung rà soát các dự án tồn đọng, kéo dài trên địa bàn tỉnh, kịp thời tham mưu UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các Bộ, ngành Trung ương, Chính phủ đề xuất cơ chế, chính sách tháo gỡ, phương hướng xử lý đối với các khó khăn, vướng mắc của các dự án. UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng kéo dài trên địa bàn tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban Ban Chỉ đạo, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Phó Trưởng ban Thường trực theo lĩnh vực được phụ trách.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Kết luận số 24-KL/TW ngày 13/4/2026 về tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng kéo dài; Quốc hội ban hành Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24/4/2026 về cơ chế,

¹⁵ Lũy kế đến nay có 1.078 dự án đầu tư trong nước còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư 480.760 tỷ đồng; có 788/1.078 dự án đi vào hoạt động, 251/1.078 dự án đang triển khai, 39/1.078 dự án đang tạm dừng.

¹⁶ Nghĩa trang tập trung của thị xã (khu vực thị xã Đức Phổ trước đây) tại xã Phổ Cường (nay là xã Khánh Cường); Công viên nghĩa trang Vĩnh Hằng, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi

¹⁷ Lũy kế có 78 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư 2.962 triệu USD; có 60/78 dự án đã đi vào hoạt động, 15/78 dự án đang triển khai, 03/78 dự án đang tạm dừng.

chính sách đặc thù để xử lý vi phạm pháp luật về đất đai của tổ chức, cá nhân xảy ra trước khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài; Chính phủ ban hành Nghị định số 147/2026/NĐ-CP ngày 07/5/2026 hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài quy định tại Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1020/QĐ-TTg ngày 09/6/2026 về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 29/2026/QH16 của Quốc hội. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng và đã ban hành Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 30/6/2026 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 29/2026/QH16 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để tháo gỡ chi tiết theo từng nhóm dự án, đồng thời yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương khẩn trương rà soát, tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp xử lý đối với các dự án khó khăn, vướng mắc trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch đã ban hành, với phương châm “6 rõ” (*rõ người - rõ việc - rõ thời gian - rõ trách nhiệm - rõ sản phẩm - rõ thẩm quyền*). Kết quả rà soát đến nay, trên địa bàn tỉnh có 111 dự án có khó khăn, vướng mắc, tồn đọng kéo dài; kết quả thực hiện tháo gỡ đến nay như sau: (1) có 14 dự án đã hoàn thành tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; (2) có 61 dự án đã có cơ chế, chính sách đặc thù của Trung ương (Nghị quyết số 29/2026/QH16 của Quốc hội), UBND tỉnh đang chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung, tích cực triển khai tháo gỡ; (3) có 36 dự án có khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền tự giải quyết của tỉnh, UBND tỉnh đang chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung, tích cực triển khai tháo gỡ.

i) Phát triển các Khu kinh tế và các Khu công nghiệp

Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi đã tập trung cải thiện môi trường đầu tư, đẩy mạnh hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình nghiên cứu, khảo sát, thực hiện các thủ tục đầu tư; đồng thời thường xuyên rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án¹⁸. Từ đầu năm đến nay, tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm đạt 8.078,8 tỷ đồng (293,46 triệu USD); trong đó: Ban Quản lý đã cấp mới 04 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư 1.854 tỷ đồng (73,53 triệu USD), điều chỉnh tăng vốn 11 dự án với tổng số vốn tăng thêm là 6.224,62 tỷ đồng (219,93 triệu USD). Đồng thời, chấm dứt hoạt động của 12 dự án (864,36 tỷ đồng). Ước thực hiện đến hết năm 2026, công tác thu hút đầu tư tiếp tục được triển khai tích cực; tổng vốn đăng ký đầu tư cấp mới và điều chỉnh tăng vốn đạt khoảng 58.900 tỷ đồng

¹⁸ Đến nay, tại Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi có 350 dự án (293 doanh nghiệp) đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nhìn chung, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn cơ bản ổn định; các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2026 ước tăng trưởng tích cực so với thực hiện năm 2025 và cơ bản đạt kế hoạch đề ra. Cơ cấu sản xuất công nghiệp tiếp tục có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần sự phụ thuộc vào ngành lọc hóa dầu; trong đó, Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 đi vào hoạt động đã tạo động lực tăng trưởng mới cho ngành sản xuất thép. Hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục tăng trưởng nhờ sự mở rộng quy mô sản xuất của các doanh nghiệp và sự phát triển của các dịch vụ logistics, vận tải, bến cảng, kho bãi; kim ngạch xuất khẩu phục hồi, ước tăng 13,4% so với năm 2025. Tuy nhiên, một số ngành sản xuất vẫn còn gặp khó khăn do biến động của thị trường, rào cản kỹ thuật tại các thị trường xuất khẩu và áp lực về nguồn nguyên liệu đầu vào.

(2,356 tỷ USD), tăng 176% so với năm 2025. Công tác quy hoạch tại các khu kinh tế, khu công nghiệp được triển khai tích cực, đã triển khai thực hiện lập 03 đồ án Quy hoạch phân khu; rà soát, đề xuất quy mô diện tích Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y.

k) Về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và quản lý tài nguyên, môi trường

Thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc khẩn trương tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai; lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về đất đai, Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA ngày 29/3/2026 của liên Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Bộ Công an về tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; UBND tỉnh đã ban hành và chỉ đạo quyết liệt thực hiện Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 10/4/2026 triển khai thực hiện công tác đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 01/7/2026 triển khai Chiến dịch cao điểm 100 ngày đêm thực hiện công tác đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Theo số liệu cập nhật của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tiến độ cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh Quảng Ngãi đứng thứ 7/34 tỉnh, thành phố.

Ban hành và áp dụng Bảng giá đất lần đầu kể từ ngày 01/01/2026; giải quyết 140 hồ sơ thu hồi, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng các công trình trọng điểm; thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 61/2026/NQ-HĐND; đảm bảo nguồn cung vật liệu xây dựng (cát, đất đồi) phục vụ các dự án trọng tâm như đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi và nâng cấp Tỉnh lộ 676; tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản công khai; thực hiện đóng cửa mỏ đối với 10 khu vực đã hoàn thành khai thác. Việc kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh được tăng cường; vận hành hiệu quả hệ thống tiếp nhận dữ liệu từ 56 trạm quan trắc tự động, liên tục của 29 doanh nghiệp để kịp thời phát hiện các thông số vượt ngưỡng. Ước thực hiện năm 2026, tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị ước đạt 91%; chất thải nguy hại đạt 84%.

l) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030 (Chương trình)

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai Chương trình của Trung ương, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện và phân công phụ trách các nội dung thành phần, nội dung trong các hợp phần để thực hiện Chương trình; trình Ban thường vụ Tỉnh ủy xem xét, ban hành Nghị quyết của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030; trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 67/2026/NQ-HĐND ngày

30/6/2026 về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ cho các Sở, ngành, đơn vị phụ trách thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh¹⁹ và Quyết định phê duyệt danh sách xã nhóm 1, xã nhóm 2, xã nhóm 3 thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030²⁰. Lũy kế đến cuối năm 2026, toàn tỉnh dự kiến có 47 xã đạt chuẩn NTM, trong đó, có 43 xã là đơn vị hành chính mới sau sắp xếp và 02 xã không thực hiện sắp xếp (Ia Đal và Ia Toi) đã duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí.

Ban hành Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn tỉnh năm 2026²¹; chỉ đạo triển khai thực hiện chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ; triển khai cho các địa phương rà soát, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 theo đúng biểu mẫu, quy trình và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều toàn tỉnh năm 2026 ước còn 1,47% (giảm 1,03 điểm % so với năm 2025), trong đó: khu vực miền núi còn 2,47% (giảm 1,62 điểm %), khu vực đồng bằng còn 0,73% (giảm 0,59 điểm %), đạt kế hoạch.

2.2. Lĩnh vực văn hoá - xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Triển khai quyết liệt Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về CTHĐ của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW. Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 249/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035. Quy mô trường lớp học được củng cố đáp ứng nhu cầu học của người dân²². Chất lượng giáo dục mũi nhọn tiếp tục duy trì²³. Công tác phân

¹⁹ Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh.

²⁰ Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của UBND tỉnh.

²¹ Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 24/4/2026 của UBND tỉnh.

²² Đến nay, toàn tỉnh hiện có 954 cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, cao đẳng, trung cấp cụ thể: mầm non có 339 trường; tiểu học có 225 trường; THCS có 171 trường; THPT có 64 trường; 01 Trường Mầm non - Tiểu học Việt Úc; 01 Trường Liên cấp thành phố giáo dục quốc tế IEC-Quảng Ngãi; 02 Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh; 8 Trung tâm GDNN-GTDX; 05 Trường trung cấp; 06 Trường Cao đẳng; 13 cơ sở tham gia đào tạo GDNN. Ước đầu năm học 2026-2027, toàn tỉnh có 455.000 học sinh, học viên công lập (vượt so với chỉ tiêu UBND tỉnh giao là 453.980 học sinh, học viên công lập) với 16.185 lớp học.

²³ Như: (1) Tại Kỳ thi Olympic truyền thống 30/4 lần thứ 30 năm 2026, Trường THPT Chuyên Lê Khiết xếp thứ 8/131 trường tham dự với 51 huy chương (23 huy chương vàng, 17 huy chương bạc và 11 huy chương đồng);

luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông được đẩy mạnh tuyên truyền; tổ chức tốt các kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2026-2027, kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026. Thúc đẩy giáo dục tích hợp khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM) và nâng cao chất lượng dạy học trong các cơ sở giáo dục²⁴. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện 04 dự án Trường liên cấp TH, THCS tại các xã biên giới: Dục Nông, Sa Loong, Rờ Kơi và Mô Rai và tích cực chuẩn bị đầu tư xây dựng 05 dự án trường liên cấp tại các xã Bờ Y, Ia Đal, Ia Toi, Đắk Plô và Đắk Long. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và đạt kết quả tích cực, ước thực hiện đến cuối năm 2026, số lượng trường đạt kiểm định chất lượng và đạt chuẩn quốc gia như sau: Mầm non có 194/339 trường tỷ lệ 57,32%; Tiểu học có 188/225 trường tỷ lệ 83,56%; Trung học cơ sở có 204/289 trường tỷ lệ 70,59%; THPT có 45/64 trường tỷ lệ 70,31%, đều đạt kế hoạch năm 2026. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25,66%, đạt kế hoạch năm.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Tiếp tục tổ chức thực hiện nghiêm Nghị quyết đột phá chiến lược của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân (Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025) và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết (Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 18/12/2025) và Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030. Ngành Y tế tiếp tục duy trì và phát huy tốt hoạt động khám chữa bệnh tại các tuyến phục vụ kịp thời nhu cầu khám chữa bệnh cho Nhân dân; tiếp tục triển khai các chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và phát triển nguồn nhân lực y tế, chú trọng đào tạo bác sĩ chuyên khoa sâu, bác sĩ cho y tế cơ sở và y tế dự phòng. Công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện, bảo đảm an toàn người bệnh và thực hiện các tiêu chí chất lượng được duy trì thường xuyên²⁵; kiểm soát chặt chẽ tình hình các loại dịch bệnh, phòng, chống bệnh cúm, sởi và các bệnh lây truyền qua đường hô hấp, tăng cường các biện

Trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành xếp thứ 25/131 đơn vị tham dự với 49 huy chương (12 huy chương vàng, 21 huy chương bạc và 16 huy chương đồng); (2) Kỳ thi chọn học sinh giỏi vùng Duyên hải và đồng bằng Bắc Bộ lần thứ XVII - năm 2026, Trường THPT Chuyên Lê Khiết tham gia kỳ thi, đã xuất sắc đoạt 47 giải thưởng (trong đó, có 1 huy chương vàng, 12 huy chương bạc, 15 huy chương đồng và 19 giải Khuyến khích); (3) Kỳ thi Olympic Toán học sinh viên và học sinh toàn quốc lần thứ 32 - năm 2026, Trường Đại học Phạm Văn Đồng tham gia kỳ thi đã xuất sắc mang về 2 giải Nhì và 1 giải Khuyến khích cho hai môn Đại số và Giải tích.

²⁴ Tổ chức Cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông cấp tỉnh, năm học 2025-2026 là sân chơi trí tuệ bổ ích, khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học, vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, với 262/439 (số sản phẩm dự thi của UBND xã, phường, đặc khu là 281 sản phẩm; số sản phẩm dự thi của Trường trực thuộc Sở: 158 sản phẩm) sản phẩm đoạt giải (Giải Nhất: 19 giải, giải Nhì: 52 giải, giải Ba: 78 giải, giải Tư: 113 giải). Thông qua Cuộc thi, lựa chọn 06 dự án tiêu biểu tham gia Cuộc thi cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, trong đó có 05 dự án đoạt giải cấp quốc gia (trong đó: 04 giải nhì, 01 giải tư). Cuộc thi “Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp” lần thứ VIII, kết quả có 104/179 (5 giải nhất; 17 giải nhì; 29 giải ba; 53 giải khuyến khích) dự án đoạt giải và lựa chọn 10 dự án tiêu biểu tham dự Cuộc thi “Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp” lần thứ VIII (SV STARTUP) do Bộ GDĐT tổ chức.

²⁵ Nhiều kỹ thuật chuyên sâu tiếp tục được triển khai tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh và các bệnh viện chuyên khoa, góp phần giảm tỷ lệ chuyển tuyến, giảm chi phí điều trị cho người dân và nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ y tế. Công tác chỉ đạo tuyến, chuyển giao kỹ thuật, hội chẩn từ xa và khám chữa bệnh từ xa tiếp tục được mở rộng, hỗ trợ hiệu quả cho tuyến dưới.

pháp bảo vệ sức khỏe người dân; hoạt động tiêm chủng mở rộng được duy trì thường xuyên tại 100% xã, phường, đặc khu. Thực hiện tốt công tác phân tuyến kỹ thuật tại các tuyến; triển khai các kỹ thuật mới, kỹ thuật cao trong khám và điều trị; công tác giám định y khoa, giám định pháp y, kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm đều đạt kế hoạch đề ra; công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về khám, chữa bệnh, kinh doanh dược, an toàn thực phẩm được triển khai tích cực; công tác an toàn thực phẩm được quan tâm; toàn tỉnh xảy ra 02 vụ ngộ độc thực phẩm không có ca tử vong; công tác vận động toàn dân tham gia mua thẻ bảo hiểm y tế được tăng cường, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế ước thực hiện 95,56%, đạt 100% kế hoạch.

Chuyển đổi số²⁶ trong lĩnh vực y tế đạt kết quả rõ nét, 100% cơ sở khám, chữa bệnh công lập đã triển khai bệnh án điện tử. Công tác dân số, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em tiếp tục được quan tâm, duy trì các chỉ tiêu cơ bản theo kế hoạch. Ước thực hiện năm 2026, tuổi thọ trung bình đạt 73,4 tuổi; có 10,98 bác sĩ/vạn dân; số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 35,18 giường bệnh/vạn dân và tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe đạt hơn 70%, đạt 100% kế hoạch năm.

c) Lao động, an sinh xã hội

Công tác lao động, việc làm và an toàn lao động; thực hiện chính sách xã hội, công tác người có công, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hộ nghèo, chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi luôn được quan tâm chú trọng, thực hiện đầy đủ, kịp thời, đặc biệt chăm lo Tết, các dịp lễ lớn²⁷. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, giải quyết cho hơn 2.000 hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp chính sách người có công kịp thời. Ước đến hết năm 2026, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội là 40,72%, đạt kế hoạch năm; tỷ lệ lao động thất nghiệp ở thành thị là 1,76%, đạt kế hoạch năm; tỷ lệ phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng lực lượng lao động trong độ tuổi là 26,5%, đạt kế hoạch năm. Hệ thống thông tin thị trường lao động tiếp tục được hoàn thiện, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số và công nghệ thông tin trong kết nối cung - cầu lao động²⁸, góp phần nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm; công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tiếp tục được triển khai hiệu quả.

Thực hiện Công văn số 270/TTg-KGVX ngày 21/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 30/4/2026, đồng thời tổ chức Hội nghị toàn tỉnh nhằm quán triệt, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ thực hiện hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho đối tượng con đẻ

²⁶ Đã hoàn thành triển khai bệnh án điện tử 100% các cơ sở khám chữa bệnh; triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt tại các cơ sở y tế 100% cơ sở y tế triển khai, kết nối dữ liệu khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, triển khai các nền tảng PACS, LIS, Telemedicine và tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06. Tiếp tục triển khai việc sử dụng thẻ CCCD gắn chip đến 100% các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh tình sau sáp nhập và các cơ sở khám, chữa bệnh ngoài công lập.

²⁷ Trao tặng 243,8 nghìn suất quà tặng của Chủ tịch nước và của tỉnh cho người có công, thân nhân người có công tại các địa phương nhân các dịp lễ lớn với tổng số tiền quà tặng hơn 110,8 tỷ đồng.

²⁸ Hơn 29.270 lượt người lao động được tư vấn, giới thiệu việc làm và cung cấp thông tin thị trường lao động; qua đó góp phần giải quyết việc làm mới cho khoảng 17.000 lao động, hoàn thành 100% chỉ tiêu kế hoạch; có 1.300 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đạt kế hoạch năm.

của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học trên địa bàn tỉnh. Toàn tỉnh đã phê duyệt danh sách hỗ trợ cho 158 đối tượng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; tính đến nay, đã có 38/52 xã trên địa bàn tỉnh chủ động tổ chức Lễ khởi công, triển khai xây dựng và sửa chữa được 121/158 căn nhà (đạt tỷ lệ 76,5% tổng số hộ trong danh sách). Toàn tỉnh đang tập trung đôn đốc, khẩn trương triển khai thực hiện, quyết tâm hoàn thành trước ngày 20/7/2026 theo đúng tiến độ đề ra.

d) Công tác dân tộc và tôn giáo

Công tác dân tộc và thực hiện chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030²⁹; phê duyệt điều chỉnh thôn vùng dân tộc thiểu số và điều chỉnh thông tin tên thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tên thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi³⁰; ban hành Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 25/5/2026 triển khai thực hiện Đề án³¹ “Phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với đối tượng, địa bàn vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2026-2035” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; xem xét, giải quyết kịp thời các nhu cầu, kiến nghị chính đáng của tổ chức, cá nhân tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật, thường xuyên thăm hỏi, động viên chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tôn giáo nhân dịp lễ trọng của các tôn giáo, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo hiến chương, điều lệ của giáo hội.

đ) Văn hóa, thể thao và du lịch

Tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết đột phá chiến lược của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam (Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026) và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết (Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 02/3/2026) và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025-2035 trên địa bàn tỉnh. Các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch được tổ chức đa dạng, phục vụ tốt nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của Nhân dân, đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán và các sự kiện chính trị, ngày lễ lớn của đất nước và của tỉnh. Công tác khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa, truyền thống của các dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử cách mạng gắn với phát triển du lịch được triển khai tích cực³²; hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được vận hành, quản lý, sử dụng đúng công năng, trở thành điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao của Nhân

²⁹ Tại Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh.

³⁰ Tại Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh

³¹ Thực hiện Quyết định số 233/QĐ-TTg ngày 03/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 188/QĐ-BDTTg ngày 01/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

³² Trong 06 tháng đầu năm, có thêm 02 Di tích danh lam thắng cảnh được xếp hạng; 04 di sản ghi danh vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, hiện đang hoàn thiện 02 hồ sơ trình cấp thẩm quyền công nhận bảo vật quốc gia; trùng tu tôn tạo 10 di tích nhằm bảo vệ và phát huy giá trị của di tích, kết nối với các tuyến du lịch,...

dân³³. Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” tiếp tục được triển khai sâu rộng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc³⁴. Phong trào hoạt động thể dục thể thao từ tỉnh xuống cơ sở tiếp tục được đẩy mạnh³⁵; số người tham gia tập luyện thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh đạt 39,39%; số gia đình thể thao đạt 27,5%.

Ngành du lịch của tỉnh tiếp tục khởi sắc với nhiều chương trình, hoạt động du lịch, văn hóa, nghệ thuật đặc sắc thu hút đông đảo du khách đến với tỉnh³⁶. Ước đến cuối năm 2026: Tổng lượt khách ước đạt 6,2 triệu lượt, tăng 24% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, khách quốc tế ước đạt 110.000 lượt tăng 11% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu ước đạt 4.200 tỷ đồng tăng 17% so với cùng kỳ năm trước, trong đó thu bằng ngoại tệ ước đạt 25 triệu USD tăng 14% so với cùng kỳ năm trước. 15,2 triệu USD, tăng 56% so với cùng kỳ năm trước và đạt 61% kế hoạch năm. Đặc biệt, riêng trong dịp lễ 30/4/2026-01/5/2026, tổng lượng khách tại Măng Đen đạt khoảng 65 nghìn lượt khách; đặc khu Lý Sơn khoảng 17 nghìn lượt khách.

e) Khoa học, công nghệ, thông tin và truyền thông

- Về thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị: Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành: Kế hoạch số 27-KH/TU ngày 09/01/2026, Kế hoạch số 61-KH/TU ngày 31/3/2026 (thay thế Kế hoạch số 27-KH/TU), Kế hoạch số 85-KH/TU ngày 29/05/2026 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; ban hành Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 11/3/2026 triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ và các kế hoạch của Tỉnh ủy; Ban Chỉ đạo UBND tỉnh³⁷ ban hành Quyết định số 74/QĐ-BCĐ ngày 23/4/2026 về Kế hoạch hoạt động năm 2026. Thực hiện hiệu quả công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số³⁸ (KH, CN, ĐMST, CDS); tham mưu HĐND tỉnh ban hành

³³ Toàn tỉnh có 81/96 xã, phường, đặc khu có nhà văn hóa, chiếm tỷ lệ 84,4%.

³⁴ Ước thực hiện đến cuối năm 2026, tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” đạt 89,1%, tăng 0,1% so với kết quả thực hiện năm 2025; tỷ lệ thôn, làng, tổ dân phố được công nhận đạt danh hiệu “Thôn, làng, tổ dân phố văn hóa” đạt 83,8%, tăng 0,3%.

³⁵ Tổ chức thành công Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I năm 2026 với 20 môn, 224 bộ huy chương, 4.908 vận động viên tham gia. Tổ chức Lễ phát động, chạy đồng hành “Vì sức khỏe toàn dân - Vì an ninh Tổ quốc” tại Quảng trường đường Phạm Văn Đồng tỉnh Quảng Ngãi. Chuẩn bị chu đáo công tác tổ chức giải đua thuyền truyền thống tại Lý Sơn. Tham gia các giải thi đấu quốc gia và toàn quốc, trong đó, Vận động viên Đinh Văn Tâm, môn Wushu đạt Huy chương Vàng giải Cúp Sanda Thế giới lần thứ 11 tại Macao, Trung Quốc.

³⁶ Tuần Văn hóa - Du lịch Măng Đen và Mùa hoa anh Đào năm 2026, nổi bật là Lễ hội khinh khí cầu, hoa anh đào nở, hội chợ OCOP và các hoạt động văn hóa cộng đồng. Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 120 năm ngày sinh của đồng chí Thủ tướng Phạm Văn Đồng; Lễ dâng hương tưởng niệm 58 năm ngày 504 đồng bào Sơn Mỹ bị thảm sát (16/3/1968-16/3/2026); Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam năm 2026; Chương trình nghệ thuật Khai mạc Lễ hội Du lịch Biển đảo Quảng Ngãi năm 2026 với chủ đề “*Quảng Ngãi – Bản giao hưởng biển đảo*”.

³⁷ Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

³⁸ UBND tỉnh đăng ký nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 là 618,106 tỷ đồng gửi Bộ Khoa học và Công nghệ; đồng thời đề xuất hỗ trợ kinh phí số hóa tài liệu lưu trữ với dự kiến gần 74 tỷ đồng và đăng ký kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2026 là 53,402 tỷ đồng để thực hiện 04 dự án. Tổng kinh phí bố trí: 793,357 tỷ đồng (đạt 3,016% tổng chi ngân sách địa phương, đáp ứng yêu cầu tối thiểu 3%.

05 Nghị quyết về trong lĩnh vực KH, CN, ĐMST³⁹; ban hành 09 Quyết định về các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật cho chuyển đổi số và phát triển KHCN, ĐMST, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và phát triển công nghệ, ký kết, duy trì các bản ghi nhớ hợp tác với các địa phương, đối tác nước ngoài như Hàn Quốc, Lào, Campuchia, thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế, giáo dục, khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ.

Về hạ tầng số dùng chung: Ban hành Kế hoạch hợp nhất hạ tầng thông tin, hạ tầng số giai đoạn 2026-2030; xây dựng Đề án hoàn thiện hạ tầng, trang thiết bị CNTT phục vụ chính quyền địa phương hai cấp. Trung tâm dữ liệu tỉnh được vận hành ổn định, bảo đảm an toàn, sẵn sàng 24/7; đang duy trì 115 máy chủ ảo, phục vụ 32 nền tảng, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Toàn tỉnh có 100% thôn có sóng điện thoại di động (3G, 4G), mạng 5G đã phủ sóng đạt 87% dân số trên địa bàn tỉnh. 100% cơ quan, đơn vị có mạng Truyền số liệu chuyên dùng, mạng LAN và kết nối internet; internet cáp quang băng rộng đáp ứng nhu cầu công việc. Tỉnh tiếp tục đầu tư, bổ sung trang thiết bị, dự kiến năm 2026 trang bị gần 2.000 máy tính phục vụ chuyển đổi số. Đã phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp chứng thư số cho các cơ quan Đảng, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ; toàn tỉnh có 21.885 chứng thư số đang hoạt động (3.895 tổ chức, 17.979 cá nhân, 11 thiết bị/phần mềm).

Về dữ liệu, nền tảng số: Cổng dữ liệu mở tỉnh Quảng Ngãi đang vận hành, cung cấp 259 bộ dữ liệu thuộc 15 lĩnh vực phục vụ khai thác, sử dụng; 100% đơn vị gửi, nhận văn bản điện tử có ký số trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành. CSDL⁴⁰ quốc gia về dân cư đã kết nối, chia sẻ dữ liệu thông suốt với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, tự động cung cấp 20 trường thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp. Việc số hóa hồ sơ⁴¹, kết quả giải quyết TTHC được triển khai đồng bộ, với tỷ lệ hồ sơ có thành phần hồ sơ điện tử đạt gần 100%, kết quả giải quyết điện tử đạt 98,9%; tỷ lệ khai thác, tái sử dụng hồ sơ số hóa đạt 94,61%.

³⁹ Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày 24/4/2026 quy định mức chi đối với Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày 24/4/2026 Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 11/2026/NQ-HĐND của HĐND tỉnh ngày 24/4/2026 Quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030; Nghị quyết số 56/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND ngày 30/5/2026 Quy định một số nội dung, mức chi để lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

⁴⁰ Các CSDL chuyên ngành tiếp tục được triển khai, trong đó lĩnh vực y tế, giáo dục đã áp dụng hồ sơ sức khỏe điện tử, học bạ điện tử; lĩnh vực nông nghiệp vận hành hệ thống IoT cảnh báo lũ và truy xuất nguồn gốc tại 96 xã, phường.

⁴¹ Dữ liệu chuyên ngành tiếp tục được số hóa, kết nối và khai thác hiệu quả: đã hoàn thành số hóa 2.259.167 sự kiện hộ tịch; cơ sở dữ liệu đất đai có 1.632.610/3.443.987 thửa đất được cập nhật (đạt 47,4%), trong đó 1.175.405/1.376.018 bản ghi được đối khớp, xác thực với CSDL quốc gia về dân cư (đạt 84,9%). Công tác số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử đạt 1.991.570/9.340.000 trang (21,3%); Lĩnh vực giáo dục đã xác thực thông tin học sinh với CSDL quốc gia về dân cư đạt trên 96% ở các cấp học; ngành Bảo hiểm xã hội đã làm sạch, cập nhật số định danh cá nhân cho 1.711.940/1.714.096 trường hợp (đạt 99,87%).

Về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến: Đã cung cấp 129 dịch vụ công trực tuyến toàn trình (100%); 2.244 TTTC thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính (100%); 139 TTTC liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp trực tuyến (100%). Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 98,32%, trực tuyến một phần đạt 1,68%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 94,27%.

Công tác ứng dụng A.I trong điều hành và thực thi công vụ: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 30/3/2026 triển khai thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo; triển khai thí điểm Trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tại 11 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; ứng dụng AI được triển khai trong nhiều lĩnh vực.

Về kinh tế số: ban hành Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 13/5/2026 hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực chuyển đổi số⁴². Triển khai thực hiện thanh toán không tiền mặt⁴³: 100% cơ sở y tế công lập áp dụng TTKDTM và quét mã QR, đạt 21,95% tổng lượt thanh toán.

Về xã hội số, công dân số: Tích hợp tiện ích trên VNeID⁴⁴. Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn kỹ năng số; Cổng Bình dân học vụ số tỉnh Quảng Ngãi đạt hơn 1,7 triệu lượt truy cập và trên 411.000 học viên tham gia. Phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai rộng khắp; 100% cán bộ, công chức, viên chức tham gia ít nhất một lớp tập huấn kỹ năng số.

- Ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm giai đoạn 2026-2030 của tỉnh Quảng Ngãi; phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng năm 2026 đối với 10 nhiệm vụ cấp tỉnh⁴⁵; lựa chọn 05 bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026, tập trung vào dữ liệu kinh tế - xã hội, bản đồ số, nông nghiệp xanh, AI, du lịch thông minh. Thành lập Hội đồng khoa học công nghệ tư vấn đánh giá, nghiệm thu dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Đoàn kiểm tra, đánh giá và xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá việc thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh⁴⁶. Triển khai thực hiện 19 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (trong đó 06 nhiệm vụ đã nghiệm thu, 13 nhiệm vụ đang triển khai).

⁴² Hệ sinh thái chuyển đổi số của tỉnh từng bước được hình thành với hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng số, thương mại điện tử và các dịch vụ số phục vụ quản lý, sản xuất, kinh doanh: ban hành Danh mục dữ liệu mở của cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; phát triển hạ tầng 4G (100% thôn), 5G tại trung tâm đô thị, khu đông dân cư, cụm, khu công nghiệp; duy trì nền tảng LGSP; ứng dụng nền tảng chính quyền số, thương mại điện tử; xây dựng dữ liệu dân cư và dữ liệu chuyên ngành (y tế, giáo dục, bảo hiểm...).

⁴³ Thử nghiệm thành công Kiosk Y tế/sinh trắc học tại Bệnh viện Đa khoa và Sản Nhi; 110.866 cá nhân đăng ký eTax Mobile (nộp hơn 166,5 tỷ đồng); 1.225 tổ chức đăng ký hóa đơn điện tử. Truy thu 14 tỷ đồng từ máy tính tiền và thu gần 7 tỷ đồng thuế thương mại điện tử; 74,01% người có công và 71,01% người hưởng lương hưu/BHXH nhận chế độ qua tài khoản. Tỷ lệ này ở đô thị đạt 78,9%.

⁴⁴ Tích hợp thành công 549.740 số sức khỏe điện tử (đạt 26,3% nhân khẩu), 342.628 giấy phép lái xe và 268.752 tài khoản an sinh xã hội; Cấp Căn cước và định danh điện tử: Tích lũy thu nhận hơn 2 triệu hồ sơ Căn cước cá nhân, đạt tỷ lệ 83,95% hồ sơ ĐDDT mức 2 cho công dân từ 14 tuổi trở lên, trong đó đã kích hoạt thành công 94,46% tài khoản; Thu nhận hồ sơ ĐDDT cho 9.126 cơ quan, tổ chức.

⁴⁵ Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 31/01/2026; Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 12/02/2026.

⁴⁶ Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2026 và Đề tài “Ứng dụng công nghệ địa không gian trên nền tảng Google Earth Engine (GEE) để quản lý, giám sát lớp phủ rừng nhằm phục vụ phát triển bền vững tài nguyên rừng tỉnh Kon Tum đến năm 2045”.

- Hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo từng bước được hình thành; hiện có 15 doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Công tác truyền thông, đào tạo về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được triển khai với sự tham gia của các tổ chức, trường đại học, địa phương. Tổ chức workshop - tập huấn tư duy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cho học sinh, sinh viên và doanh nghiệp; 01 Cuộc thi Video đổi mới sáng tạo; khóa “Tập huấn kiến thức đổi mới sáng tạo và tổ chức các hoạt động đổi mới sáng tạo để cải tiến môi trường làm việc trong các cơ quan, đơn vị ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”; 01 lớp tập huấn chuyển đổi số cho doanh nghiệp ĐMST; học tập kinh nghiệm xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ KNĐMST.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ; phối hợp với Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức Hội thảo “Tăng cường hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong kỷ nguyên số”. Cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý Ngọc Linh và xác nhận số lượng cho sản phẩm sâm củ cho 03 hộ gia đình và 01 tổ chức; sử dụng tên địa danh “Sơn Linh” và xác nhận bản đồ khoanh vùng sản xuất để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm dầu phụng. Hướng dẫn 21 tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục về sở hữu công nghiệp. Phê duyệt dự án Mở rộng phạm vi bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Ngọc Linh” cho sản phẩm sâm củ. Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ đối với nhãn hiệu thuộc Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 cho 02 công ty. Tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cho 70 hồ sơ sản phẩm.

- Tổ chức Hội nghị tập huấn, tuyên truyền phổ biến các quy định mới về lĩnh vực năng lượng nguyên tử trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2026; hướng dẫn 14 cơ sở xây dựng hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ, 04 hồ sơ cấp chứng chỉ nhân viên ATBX; cấp 11 giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho cơ sở đủ điều kiện, 07 chứng chỉ nhân viên ATBX. Hướng dẫn 02 cơ sở đăng ký sử dụng ứng dụng xác thực thông tin sản phẩm, 02 doanh nghiệp đăng ký gia hạn sử dụng mã số mã vạch; Tổ chức 3 khóa tập huấn về năng suất chất lượng, truy xuất nguồn gốc với gần 200 lượt người tham dự;...

- Tổ chức tuyên truyền, phản ánh kịp thời, đầy đủ và chính xác các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh quan trọng của tỉnh, của đất nước; tuyên truyền công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số. Tuyên truyền đậm nét về Đại hội XIV của Đảng, xác định là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt; làm nổi bật tầm vóc, ý nghĩa chính trị, lịch sử của Đại hội; khẳng định những thành tựu sau 40 năm đổi mới và kết quả nổi bật nhiệm kỳ Đại hội XIII. Tuyên truyền, quán triệt việc học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV theo Chỉ thị số 01-CT/TW của Bộ Chính trị; cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

2.3. Lĩnh vực nội chính, tổ chức nhà nước và quốc phòng an ninh

a) Công tác cải cách hành chính

Công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh thực hiện, kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường; đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà

nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030, Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2026 và triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên tất cả các lĩnh vực; trình Tỉnh ủy ban hành Báo cáo về đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ về cải cách hành chính, chuyển đổi số, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế tư nhân và nâng cao năng lực cạnh tranh theo các Nghị quyết của Tỉnh ủy; Nghị quyết về cải cách hành chính; nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, gắn với đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030⁴⁷, trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 07/5/2026. Thực hiện hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC), kiểm soát TTHC, thực hiện Đề án đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính; cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, đẩy mạnh thực hiện dịch vụ trực tuyến toàn trình gắn với thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa; nâng cấp, phát triển Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh bảo đảm khả năng tích hợp Công Dịch vụ công quốc gia.

Theo kết quả công bố năm 2025: Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) xếp thứ 30/34 tỉnh, thành phố; Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) xếp hạng 23/34 tỉnh, thành phố. Riêng Chỉ số chuyển đổi số (DTI) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) chưa được công bố.

b) Công tác thanh tra, khiếu nại, tố cáo

Trong 6 tháng đầu năm 2026, ngành thanh tra đã thực hiện 59 cuộc thanh tra, kết quả đã ban hành kết luận đối với 26 cuộc tại 42 đơn vị; qua công tác thanh tra, kiểm tra phát hiện sai phạm với tổng số tiền 6.980,33 triệu đồng cùng nhiều sai phạm khác; đã kiến nghị thu hồi nộp vào ngân sách nhà nước 3.399,27 triệu đồng, kiến nghị thu hồi về tổ chức, cá nhân 115,61 triệu đồng, xử lý khác 3.465,45 triệu đồng; kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm đối với 03 tập thể, 66 cá nhân, và nhiều biện pháp khắc phục, chấn chỉnh khác. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực.

Lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh đã được các cấp, ngành quan tâm thực hiện. Hầu hết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân đã được cơ quan có thẩm quyền thụ lý giải quyết theo đúng quy định pháp luật, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Trong 6 tháng đầu năm, các cơ quan hành chính trong tỉnh tiếp 2.701 lượt/ 2.403 người/2.144 vụ việc; trong đó, có 22 lượt đoàn đông người đến nơi tiếp công dân của các cấp, các ngành. Tiếp nhận 5.016 đơn. Đã xử lý 4.995 đơn, có 4.047 đơn đủ điều kiện xử lý⁴⁸. Thủ trưởng cơ quan hành chính các cấp đang xem xét điều kiện thụ

⁴⁷ Báo cáo số 298-BC/ĐU ngày 21/01/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh; Báo cáo số 108-BC/TU ngày 10/3/2026 của Tỉnh ủy; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 05/4/2026 của Tỉnh ủy.

⁴⁸ Trong đó: 2.870 đơn các loại thuộc thẩm quyền (gồm 180 đơn khiếu nại, 97 đơn tố cáo, 2.593 đơn kiến nghị, phản ánh) và 1.177 đơn không thuộc thẩm quyền, đã được: chuyển đến cơ quan có thẩm quyền 954 đơn, trả lại và hướng dẫn công dân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với 223 đơn; còn 948 đơn không đủ điều kiện xử lý đã lưu đơn (do trùng lặp, không rõ địa chỉ, mạo danh, nặc danh...).

lý 63/213 vụ việc; đã giải quyết 123/150 vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt tỷ lệ 82%.

c) Công tác tư pháp

Tiếp tục thực hiện nghiêm Nghị quyết đột phá chiến lược của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025) và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị (Kế hoạch số 370-KH/TU ngày 29/5/2025). Công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật luôn được triển khai thực hiện thường xuyên và chú trọng nâng cao chất lượng thẩm định; tập trung thẩm định về sự cần thiết ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của văn bản, ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo. Từ đầu năm đến nay, tỉnh đã ban hành 181 văn bản quy phạm pháp luật, gồm 64 nghị quyết của HĐND tỉnh, 119 quyết định của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh. Ban hành Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 28/01/2026 công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm 2025⁴⁹. Kịp thời chỉ đạo triển khai việc rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật của 02 tỉnh Kon Tum (cũ) và Quảng Ngãi (cũ) ban hành trước khi sáp nhập, kết quả xử lý văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy hoàn thành trước ngày 01/6/2026 với tổng số văn bản là 569 văn bản (*203 nghị quyết, 358 quyết định, 08 chỉ thị*) do HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành. Đã thực hiện tự kiểm tra 82 văn bản quy phạm pháp luật (*31 nghị quyết, 51 quyết định*), qua kiểm tra đã kiến nghị xử lý 61 văn bản (*21 nghị quyết, 40 quyết định*). Bên cạnh đó, đã tổ chức 07 đoàn kiểm tra và thực hiện kiểm tra văn bản tại một số địa phương, qua kiểm tra đã kiến nghị xử lý 10 quyết định do 02 UBND cấp xã ban hành.

Ban hành Kế hoạch thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi⁵⁰; chỉ đạo triển khai thực hiện Công điện số 32/CĐ-TTg ngày 19/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật⁵¹; Quyết định thành lập Tổ công tác thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi⁵²; tổ chức 02 hội nghị tập huấn triển khai công tác tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL và công tác pháp chế với 410 đại biểu tham dự. Chú trọng triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật với nhiều hình thức, nội dung phong phú; thường xuyên đổi mới cách làm, hiệu quả và từng bước ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin.

d) Công tác nội vụ

Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại

⁴⁹ Tổng 416 văn bản (*124 nghị quyết, 283 quyết định, 09 chỉ thị*) hết hiệu lực toàn bộ và 20 văn bản (*14 nghị quyết, 06 quyết định*) hết hiệu lực một phần.

⁵⁰ Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 19/4/2026 của UBND tỉnh.

⁵¹ Công văn số 4124/UBND-NC ngày 11/5/2026.

⁵² Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 15/5/2026.

biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2026-2031. Tiếp tục đẩy mạnh công tác hoàn thiện bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp, sắp xếp, tinh gọn đầu mối bên trong. Đã thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế⁵³, giáo dục⁵⁴ và lĩnh vực khác⁵⁵; phê duyệt phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bên trong đối với các cơ quan khối chính quyền⁵⁶; phê duyệt vị trí việc làm và tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị và địa phương theo quy định; phê duyệt danh sách danh sách đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ. Đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền nhằm tăng tính chủ động, trách nhiệm của các đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền⁵⁷. Đồng thời, đề hướng dẫn, xử lý, tháo gỡ vướng mắc đối với các nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực, tỉnh đã thành lập các Tổ công tác hỗ trợ các địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh. Công tác bổ nhiệm, điều động cán bộ, tuyển dụng, luân chuyển đối với công chức, viên chức được thực hiện kịp thời, đáp ứng yêu cầu công việc của

⁵³ Phê duyệt Đề án chuyển giao các Trạm Y tế, Bệnh xá, Phòng khám đa khoa khu vực (*thực hiện nhiệm vụ Trạm Y tế*) thuộc Trung tâm Y tế trực thuộc Sở Y tế về thuộc UBND các xã, phường quản lý để chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn⁵³; thành lập 95/95 Trạm Y tế cấp xã là đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp xã, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2026. Tiếp tục duy trì hoạt động của các Trung tâm y tế, bệnh viện đa khoa cấp huyện trước đây trực thuộc Sở Y tế để tổ chức chăm sóc, khám, chữa bệnh theo khu vực liên phường, xã hoặc sắp xếp, tổ chức lại cho phù hợp theo quy định.

⁵⁴ Ban hành: Đề án sắp xếp Trung tâm Giáo dục thường xuyên Kon Tum, giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (*Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 29/4/2026*), Quyết định thành lập các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (*Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 29/4/2026*); Đề án sắp xếp, tổ chức bộ máy bên trong Trường Đại học Phạm Văn Đồng (*Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 29/4/2026*), Trường Cao đẳng Kon Tum (*Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 29/4/2026*) và Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi (*Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 29/4/2026*). Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục thuộc UBND các xã, phường, đặc khu, Sở Nội vụ và Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp UBND các xã, phường, đặc khu thực hiện sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục trực thuộc UBND cấp xã.

⁵⁵ Thành lập 96/95 đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ công cơ bản thiết yếu cho người dân trên địa bàn; ban hành Đề án sắp xếp các Ban quản lý dự án cấp tỉnh giảm từ 04 ban xuống còn 03 Ban, kết thúc hoạt động 12 Ban quản lý khu vực, sắp xếp Ban quản lý dự án cấp xã (khu vực phía tây) tỉnh Quảng Ngãi (*Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 29/4/2026*); Quyết định thành lập Ban quản lý dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi (*Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 29/4/2026*). Đối với Ban quản lý dự án cấp xã, ngày 30/4/2026 UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 3751/UBND-NC chỉ đạo UBND các xã, phường đủ điều kiện thì thành lập Ban quản lý dự án cấp xã hoặc giao đơn vị sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư, phát triển quỹ đất, bồi thường giải phóng mặt bằng của các xã, phường.

⁵⁶ - Cấp tỉnh: Phê duyệt hợp nhất phòng Công chứng số 1 và phòng Công chứng số 2 thành phòng Công chứng thuộc Sở Tư pháp; đến nay, có 107 tổ chức bên trong thuộc các sở, ngành và tổ chức hành chính (*gồm phòng chuyên môn, chi cục và tổ chức tương đương*); có 10 đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh, có 166 đơn vị sự nghiệp thuộc các Sở, ngành. Đồng thời, rà soát ban hành quyết định điều chỉnh chức năng nhiệm vụ quyền hạn của: Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi, các Sở: Tư pháp Ngoại vụ, quyết định bổ sung nhiệm vụ đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh. Hiện nay, các đơn vị tiếp tục rà soát để sắp xếp theo hướng dẫn của các bộ, ngành.

- Cấp xã: 96 xã, phường, đặc khu đã thành lập đủ 03 phòng chuyên môn (*Văn phòng HĐND-UBND; Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế đối với xã, đặc khu hoặc phòng Kinh tế - hạ tầng và Đô thị đối với phường*) và Trung tâm phục vụ Hành chính công. Hiện nay, sau khi thành lập Trạm Y tế cấp xã, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công cấp xã thống nhất trên địa bàn tỉnh, có 1.017 đơn vị sự nghiệp cấp xã (*bao gồm cả đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục là các trường học*).

⁵⁷ Đến nay, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND đã ban hành 30 Quyết định phân cấp gồm 213 nhiệm vụ phân cấp về cho sở, ngành và 104 nhiệm vụ phân cấp về cho UBND cấp xã; 21 Quyết định ủy quyền thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và Giám đốc các sở, ngành gồm 138 nhiệm vụ ủy quyền về cho sở, ngành và 11 nhiệm vụ ủy quyền về cho UBND cấp xã.

các cơ quan, đơn vị; công tác đào tạo, bồi dưỡng⁵⁸ cán bộ, công chức được triển khai đồng bộ, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức⁵⁹ trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, có trình độ chuyên môn ngày càng được nâng cao tạo nền tảng nâng cao chất lượng tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ; công tác quản lý nhà nước về thanh niên và Bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định; công tác thi đua, khen thưởng được triển khai nghiêm túc, kịp thời, đảm bảo đúng quy định, góp phần động viên, khích lệ các tập thể và cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ.

d) Công tác ngoại vụ

Tiếp tục thực hiện nghiêm Nghị quyết đột phá chiến lược của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới (Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025), Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết (Chương trình số 05-CTr/TU ngày 08/12/2025). Công tác đối ngoại được triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả theo kế hoạch; đã tổ chức 03 đoàn lãnh đạo tỉnh làm Trưởng đoàn đi công tác nước ngoài⁶⁰; đón, tiếp Đoàn đại biểu cấp cao 04 tỉnh Nam Lào (*Sa-la-van, Sê-Kông, Át-ta-pư, Chăm-pa-sắc*) và 02 tỉnh Đông Bắc Campuchia (*Stung-treng, Ratanakiri*) sang thăm, chúc Tết và làm việc tại tỉnh và tham dự Lễ hội du lịch Biển đảo Quảng Ngãi năm 2026. Hướng dẫn, quản lý 54 đoàn với 571 lượt người nước ngoài đến thăm và làm việc tại tỉnh; có 21 đoàn với 129 lượt cán bộ công chức viên chức được cấp có thẩm quyền cử tham gia đoàn liên cơ quan đi công tác nước ngoài. Phê duyệt tiếp nhận 04 khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc ODA⁶¹ do 02 tổ chức phi chính phủ nước ngoài viện trợ thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, phúc lợi xã hội, với tổng giá trị viện trợ là 258.923 USD tương đương khoảng 6,73 tỷ đồng⁶². Thực

⁵⁸ Kết quả thực hiện công tác đào tạo bồi dưỡng năm 2026, như sau: tổ chức đào tạo bồi dưỡng cho hơn 650 CBCCVC tại cấp tỉnh và cấp xã (*Bao gồm: 02 lớp bồi dưỡng về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công việc và trong chuyển đổi số cho 160 cán bộ, công chức phụ trách công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại các cơ quan cấp tỉnh và UBND cấp xã; 02 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về tài chính, ngân sách, kế toán công cho hơn 100 công chức cấp xã, 02 lớp bồi dưỡng về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công việc cho 200 cán bộ, công chức cấp xã, 02 lớp bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn về đấu thầu 100 cán bộ, công chức cấp xã*). Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức bồi dưỡng cho khoảng 48.000 CBCCVC và người lao động trong khu vực công theo hình thức trực tuyến.

⁵⁹ Trong đó, Tiến sĩ: 02 người (*chiếm tỷ lệ 0,06%*); Thạc sĩ: 396 người (*chiếm tỷ lệ 11,76%*); Đại học: 2.922 người (*chiếm tỷ lệ 86,76%*); Cao đẳng: 09 người (*chiếm tỷ lệ 0,27%*); Trung cấp: 39 người (*chiếm tỷ lệ 1,16%*).

⁶⁰ Gồm: (1) Đoàn đại biểu cao cấp tỉnh Quảng Ngãi đi thăm và chúc Tết tại 02 tỉnh Ratanakiri và Stung Treng, Vương quốc Campuchia do UVTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hồ Văn Niên làm Trưởng đoàn; (2) Đoàn lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi đi thăm, chúc Tết và tham dự Diễn đàn xúc tiến thương mại tại 04 tỉnh Nam Lào do UVTW Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Hoàng Giang làm Trưởng đoàn và (3) Đoàn lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi tham gia chương trình quảng bá địa phương tại Hoa Kỳ cho UVBT Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh Nguyễn Thế Hải làm Trưởng đoàn.

⁶¹ (1) Phi dự án: “Tài trợ trang thiết bị cho Thư viện Trường THCS Hành Minh, xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi” do tổ chức Library of Vietnam Project, Inc tài trợ; (2) Phi dự án: Tài trợ học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ hoạt động thư viện trường học trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi do tổ chức Library of Vietnam Project, Inc tài trợ; (3) Dự án: Hỗ trợ bổ sung tiền ăn trưa cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học của xã Thanh Bồng và xã Tây Trà, giai đoạn 2026-2028 do Tổ chức Zhi Shan Foundation tài trợ; (4) Dự án: Hỗ trợ học bổng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ trang thiết bị thư viện, tủ sách lớp học cho các trường học trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi do tổ chức Zhi Shan Foundation tài trợ, giai đoạn 2026-2028.

⁶² Tỷ giá VND/USD tính tại thời điểm xây dựng Văn kiện khoản viện trợ.

hiện tốt công tác bảo hộ ngư dân, tàu thuyền trên địa bàn tỉnh⁶³ và công tác biên giới lãnh thổ⁶⁴.

Tỉnh Quảng Ngãi là 1 trong 2 tỉnh có đường biên giới giáp với 2 quốc gia. Trong thời gian qua, tình hình an ninh chính trị luôn ổn định, chưa có tình trạng xâm canh xâm cư, di cư tự do và kết hôn không giá thú trong khu vực biên giới; các hoạt động đối ngoại và quốc phòng, an ninh được triển khai thực hiện tốt, công tác phối hợp bảo vệ biên giới giữa các đơn vị biên phòng tỉnh Quảng Ngãi và lực lượng bảo vệ biên giới của các tỉnh bạn Lào, Campuchia được duy trì thường xuyên; Nhân dân trên địa bàn các xã biên giới chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới, chấp hành nghiêm các Hiệp định về quy chế biên giới đất liền.

e) Quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội

Quốc phòng, an ninh được giữ vững, ổn định. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu ở các cấp; theo dõi, nắm chắc tình hình vùng trời, biên giới, nội địa, ngoại biên. Tổ chức Lễ giao, nhận quân năm 2026 đảm bảo chặt chẽ, trang nghiêm, đạt 100% chỉ tiêu được giao. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, nhất là trong thời gian nghỉ Tết Nguyên đán Bính Ngọ và trong thời gian tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các giải pháp thực hiện Đề án 06 của Chính phủ; chủ động nắm chắc tình hình từ sớm, từ xa, từ cơ sở 100% vấn đề, vụ việc phức tạp nổi lên liên quan an ninh quốc gia (ANQG); không để xảy ra bị động, bất ngờ trong bảo đảm ANTT. Triển khai hiệu quả phương án bảo đảm an ninh tuyến biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia; an ninh biển, đảo; an ninh dân tộc, tôn giáo, nhất là tại các địa bàn biên giới. Chủ động tham mưu, phối hợp giải quyết ổn định các vụ tranh chấp, khiếu kiện manh nha ở cơ sở, không để hình thành “điểm nóng” về ANTT; đẩy mạnh đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, xấu, độc trên không gian mạng, định hướng dư luận và thông tin tuyên truyền.

Công tác phòng, chống các loại tội phạm trên địa bàn tỉnh và triển khai nhiều biện pháp, giải pháp phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, an toàn giao thông được tăng cường thực hiện. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tai nạn giao thông giảm cả 03 tiêu chí so với cùng kỳ năm 2025; xảy ra 153 vụ, làm chết 108 người, bị thương 97 người (giảm 35 vụ, giảm 09 người chết, giảm 41 người bị thương so với cùng kỳ năm 2025). Cháy xảy ra 38 vụ (tăng 09 vụ so với năm 2025), thiệt hại ước tính khoảng 8,556 tỷ đồng, không có thiệt hại về người. Nổ không xảy ra (không tăng, không giảm so với cùng kỳ năm 2025).

⁶³ Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh có 03 tàu với 25 ngư dân của tỉnh bị nước ngoài bắt giữ (Trung Quốc: 03; Malaysia: 22); không có tàu cá bị ngăn cản, tấn công, lấy tài sản, hải sản. Từ đầu năm đến nay, đã phối hợp với các đơn vị có liên quan đưa được 10 ngư dân bị nước ngoài bắt giữ các năm 2024, 2025 và 2026 về nước (Trung Quốc: 05 ngư dân; Malaysia: 05 ngư dân).

⁶⁴ Báo cáo Bộ Ngoại giao xem xét cho ý kiến về hồ sơ đề nghị nâng cấp cửa khẩu phụ Đắc Long - Văng Tắt lên thành cửa khẩu chính; xây dựng công trình Kè chống sạt lở, bảo vệ bờ suối biên giới trên biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia Việt Nam - Lào do ảnh hưởng của mưa bão,...

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN

- Tỉnh chưa tranh thủ được lợi ích mở rộng thị trường từ hội nhập quốc tế sâu rộng; năng suất, trình độ công nghệ và quản trị còn chưa cao, chưa tham gia nhiều vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Công tác hoàn thiện thủ tục và xử lý tài sản sau phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản công tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn chậm.

- Giải ngân vốn đầu tư công chưa đạt yêu cầu, tiến độ triển khai một số dự án còn chậm, còn các vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Hiệu quả thu hút các dự án đầu tư quy mô lớn, công nghệ cao, dự án có tính lan tỏa và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh còn hạn chế; tỷ lệ chuyển hóa từ hoạt động tìm hiểu, khảo sát đầu tư thành dự án triển khai thực tế chưa cao. Công tác quảng bá, xúc tiến và kết nối thị trường đã có chuyển biến nhưng chưa tạo được sức lan tỏa mạnh; việc xây dựng cơ sở dữ liệu và ứng dụng chuyển đổi số phục vụ hoạt động xúc tiến chưa đồng bộ. Năng lực cạnh tranh, khả năng mở rộng thị trường và xây dựng thương hiệu của một số doanh nghiệp, hợp tác xã và sản phẩm chủ lực của tỉnh còn hạn chế.

- Sản phẩm du lịch đặc trưng, liên kết phát triển du lịch vùng chưa phát huy tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương; sản phẩm du lịch của tỉnh tuy đã cải thiện nhưng chưa tạo bước đột phá, thiếu các dịch vụ vui chơi giải trí, hoạt động kinh tế đêm mua sắm để lưu giữ chân du khách. Chất lượng dịch vụ du lịch một số khu, điểm du lịch còn hạn chế.

- Chất lượng dịch vụ y tế của các cơ sở tuy từng bước được cải thiện, nhưng chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người dân, đặc biệt là dịch vụ kỹ thuật cao; còn tồn tại chênh lệch giữa các vùng, miền. Hệ thống y tế đang trong quá trình sắp xếp, củng cố theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, dẫn đến một số khó khăn trong tổ chức, vận hành. Năng lực quản trị, điều hành và tổ chức thực hiện ở một số đơn vị chưa theo kịp yêu cầu đổi mới, nhất là trong bối cảnh tăng cường tự chủ và chuyển đổi số.

- Hệ thống các văn bản quy định và hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan đến việc sắp xếp tổ chức bộ máy để làm cơ sở cho các địa phương triển khai thực hiện chưa được kịp thời, do đó quá trình thực hiện còn gặp khó khăn, lúng túng.

III. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân kết quả đạt được

(1) Bám sát, kịp thời cụ thể hóa đường lối Trung ương thành chương trình hành động của địa phương ngay từ đầu năm, đồng thời linh hoạt bổ sung, điều chỉnh khi có chủ trương mới; sự chung sức, đồng lòng của Nhân dân và sự vào cuộc với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị của tỉnh; chỉ đạo điều hành đồng bộ, linh hoạt, tổ chức triển khai quyết liệt, xác định rõ nhiệm vụ ưu tiên, trọng tâm, trọng điểm.

(2) Triển khai thực hiện quyết liệt, có hiệu quả Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, các Nghị quyết đột phá chiến lược của Bộ Chính trị; các Nghị quyết của Chính phủ: số 01/NQ-CP và số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026, số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026, các Nghị quyết thường kỳ của Chính phủ, các Chỉ thị, Công điện của Thủ tướng Chính phủ; các văn bản của Bộ, ngành Trung ương; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; các Chương trình hành động, Kế hoạch của Tỉnh uỷ thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương; các Nghị quyết, Kết luận của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội.

(3) Kế thừa những thành quả phát triển kinh tế - xã hội của những năm trước, là nền tảng rất quan trọng để tiếp tục đà phát triển trong năm 2026 và các năm tiếp theo. Đồng thời, chủ động xây dựng kịch bản tăng trưởng theo từng ngành, lĩnh vực, xác định rõ động lực mũi nhọn và dự án tạo đà tăng trưởng; thường xuyên tổ chức các cuộc họp thường kỳ đánh giá kết quả phát triển kinh tế - xã hội, đề kịp thời nhận ra những tồn tại, hạn chế để đề xuất các giải pháp khắc phục và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

(4) Thực hiện nghiêm nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc, một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm chính; khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, chia cắt về địa bàn, lĩnh vực; phân cấp phân quyền mạnh mẽ cho địa phương, đẩy mạnh cải cách hành chính.

(5) Kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số; cải cách hành chính, đơn giản thủ tục hành chính góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân; tích cực, chủ động bám sát các nhiệm vụ được giao, dám nghĩ, dám làm, chỉ đạo và triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ đạt chất lượng và hiệu quả.

(6) Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc được thực hiện thường xuyên; phân công rõ trách nhiệm cá nhân gắn với đánh giá thi đua, khen thưởng; đồng thời chủ động báo cáo, kiến nghị cấp thẩm quyền những vấn đề vượt thẩm quyền để kịp thời tháo gỡ.

2. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế, khó khăn

a) Nguyên nhân khách quan

- Sau khi sáp nhập tỉnh Quảng Ngãi có diện tích lớn thứ 5 trên cả nước với địa hình chia cắt phức tạp, tạo ra những điểm nghẽn đáng kể trong việc kết nối hạ tầng và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Tình hình biến động tăng giá xăng, dầu, giá vật liệu xây dựng ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp; ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động đầu tư xây dựng các dự án đầu tư công trên địa bàn làm ảnh hưởng lớn đến tăng trưởng kinh tế.

- Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến việc thu hút các nguồn lực bên ngoài, sự cạnh tranh thu hút đầu

tư, thương mại và du lịch giữa các địa phương trong nước ngày càng mạnh mẽ; trong khi đó, hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng logistics và hạ tầng phục vụ phát triển du lịch của tỉnh chưa thật sự đồng bộ.

- Hầu hết doanh nghiệp của tỉnh là các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế, năng lực quản trị, điều hành còn hạn chế.

- Biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến thất thường, khó lường, tác động ngày càng mạnh mẽ lên hoạt động sản xuất nông nghiệp, khai thác thủy sản...

- Các quy định của pháp luật còn có điểm nghẽn, thay đổi nhanh dẫn đến khó khăn, lúng túng trong quá trình áp dụng, nhất là các quy định liên quan đến đất đai, đầu tư, đấu thầu, nhà ở.

b) Nguyên nhân chủ quan

Ngoài những yếu tố khách quan nêu trên thì những tồn tại chưa được khắc phục từ một số nguyên nhân chủ quan, như:

- Công tác phối hợp giữa các sở, ngành và địa phương trong triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao có lúc, có nơi còn chậm trễ, chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao. Một bộ phận cán bộ, công chức còn chưa chủ động, quyết liệt, còn tâm lý né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm; tính chủ động trong giải quyết công việc của một số cơ quan, đơn vị của tỉnh thấp.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của một số ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Mặc dù đã được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt nhưng một số khó khăn vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn chậm được tháo gỡ; một số địa phương chưa hoàn thiện việc xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường nên chưa thể hoàn tất thủ tục bồi thường giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện công trình. Tình trạng khan hiếm một số loại vật liệu xây dựng chủ yếu như đất đắp, cát, đá..., trong khi nhu cầu thi công tăng cao do đồng loạt triển khai nhiều dự án nên ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện.

Đánh giá chung: Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là biến động giá xăng dầu, nguyên vật liệu làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nói riêng và cả nước nói chung. Song với sự cố gắng, nỗ lực, chung sức, đồng lòng của các cấp, các ngành, các địa phương trên địa bàn tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi năm 2026 đạt được nhiều kết quả tích cực: Tốc độ tăng trưởng GRDP ước đạt 10,44% so với năm 2025; sản xuất công nghiệp tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước; các hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức sôi nổi, nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân tăng cao, các hoạt động du lịch được tổ chức dưới nhiều hình thức đã thu hút lượng khách du lịch tăng cao, góp phần thúc đẩy các hoạt động thương mại nên tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, doanh thu hoạt động vận tải đều tăng so với cùng kỳ; kim

ngạch xuất nhập khẩu tăng khá; sản xuất nông nghiệp tiếp tục ổn định, các cây trồng chủ lực của tỉnh tiếp tục được chú trọng phát triển; tình hình dịch bệnh được kiểm soát tốt. Các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng, an sinh xã hội và giảm nghèo được triển khai đầy đủ, kịp thời; trường lớp học được đầu tư ngày càng khang trang; chất lượng học tập được nâng lên; dịch bệnh được kiểm soát tốt; chất lượng khám bệnh, chữa bệnh được cải thiện; công tác sắp xếp bộ máy các cơ quan, đơn vị được thực hiện theo hướng tinh gọn, hiệu quả; cải cách thủ tục hành chính được thực hiện mạnh mẽ; kỷ luật, kỷ cương hành chính được chú trọng, thực hiện hiệu quả Đề án 06; hợp tác quốc tế ngày càng sâu rộng; quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, như: Thị trường bất động sản trầm lắng, thu tiền sử dụng đất đạt thấp; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng vẫn còn nhiều vướng mắc chưa được tháo gỡ; thu hút đầu tư thấp; tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp và tỷ lệ đáp ứng thiết bị giáo dục tối thiểu còn thấp so với yêu cầu; tỷ lệ hộ nghèo còn lại chủ yếu thuộc nhóm “lỗi nghèo” (đối tượng yếu thế, không có khả năng lao động), rất khó tác động bằng các giải pháp sinh kế thông thường;...

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2027

I. BỐI CẢNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2027

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế

Năm 2027, là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố các động lực tăng trưởng mới, tạo nền tảng để hoàn thành các mục tiêu của cả giai đoạn. Bối cảnh quốc tế tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp và khó lường; cạnh tranh chiến lược giữa các nền kinh tế lớn, biến động giá năng lượng, xu hướng bảo hộ thương mại, yêu cầu chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và phát triển bền vững vừa tạo ra cơ hội, vừa đặt ra nhiều thách thức đối với nền kinh tế.

Trong nước, Chính phủ tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; huy động tối đa các nguồn lực đầu tư phát triển, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh.

Đối với tỉnh Quảng Ngãi, sau kết quả tăng trưởng tích cực của năm 2026, nền kinh tế bước sang năm 2027 với yêu cầu tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh; phát huy hiệu quả các động lực truyền thống như công nghiệp lọc hóa dầu, luyện kim, công nghiệp chế

biến chế tạo, đồng thời hình thành các động lực tăng trưởng mới từ kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế biển, năng lượng, logistics, đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

2. Thời cơ, thuận lợi và khó khăn, hạn chế

2.1. Thời cơ, thuận lợi

Kinh tế của tỉnh phục hồi và duy trì đà tăng trưởng trong năm 2026, tạo nền tảng quan trọng để triển khai kế hoạch năm 2027; Khu kinh tế Dung Quất tiếp tục giữ vai trò là cực tăng trưởng của tỉnh với các ngành công nghiệp trọng điểm như lọc hóa dầu, luyện kim, cơ khí, năng lượng và công nghiệp chế biến, chế tạo; nhiều dự án đầu tư mới và mở rộng dự kiến đi vào hoạt động, tạo thêm năng lực sản xuất.

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư đồng bộ; cửa khẩu Bờ Y và vị trí chiến lược kết nối Tây Nguyên - Duyên hải Nam Trung Bộ, các dự án giao thông chiến lược, hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng logistics, cảng biển và đô thị từng bước hoàn thiện, góp phần nâng cao năng lực kết nối và thu hút đầu tư. Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, chuyển đổi số và phát triển chính quyền số được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và giảm chi phí cho doanh nghiệp.

Tiềm năng lớn về dược liệu (Sâm Ngọc Linh); phát triển kinh tế biển, công nghiệp năng lượng, du lịch, dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế tuần hoàn và kinh tế xanh còn lớn; dư địa phát triển khu vực kinh tế tư nhân và thu hút đầu tư ngoài ngân sách vẫn còn nhiều. Hệ thống cơ chế, chính sách của Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân và phát triển vùng tạo thêm điều kiện để tỉnh huy động các nguồn lực cho phát triển.

Sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của nhân dân và doanh nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2. Khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những thuận lợi, tỉnh Quảng Ngãi vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức đan xen như:

Tình hình kinh tế thế giới còn tiềm ẩn nhiều rủi ro; biến động về thương mại, tỷ giá, giá nguyên liệu và chi phí logistics có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, xuất khẩu và thu hút đầu tư. Nền kinh tế của tỉnh vẫn phụ thuộc tương đối lớn vào một số doanh nghiệp quy mô lớn trong lĩnh vực lọc hóa dầu, luyện kim và công nghiệp nặng; tăng trưởng giữa các ngành, lĩnh vực chưa thật sự đồng đều, tính bền vững chưa cao. Công nghiệp chế biến, chế tạo có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; công nghiệp hỗ trợ còn yếu; doanh nghiệp nhỏ và vừa còn gặp nhiều khó khăn về vốn, thị trường và năng lực cạnh tranh.

Thu ngân sách Nhà nước tiếp tục đối mặt với những khó khăn nhất định, như: (1) Đối với khoản thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất: Đây là khoản thu lớn,

trọng yếu nhất trong tổng thể nguồn thu (năm 2026 ước chiếm 35% tổng thu nội địa toàn tỉnh). Việc dự ước số thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất phụ thuộc rất lớn vào giá dầu thô thế giới và tỷ trọng dầu thô Bạch Hổ, những yếu tố này biến động khó lường. Bên cạnh đó số thuế GTGT năm 2026 còn được khấu trừ chuyển sang năm 2027 khoảng 7.100 tỷ đồng nên năm 2027 dự kiến không phát sinh số thuế GTGT. (2) Đối với khoản thu từ Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi: trong năm 2026-2027, Công ty dự kiến số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư (mở rộng, mới) tại Gia Lai năm 2026 là 52 tỷ đồng, năm 2027 là 177 tỷ đồng. Do đó dự kiến trong năm 2027 không phát sinh số thuế GTGT phải nộp. (3) Về thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh các năm gần đây hầu hết tập trung đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất và Khu công nghiệp VSIP có phát sinh số nộp NSNN không lớn, vì đang hưởng ưu đãi về thuế; bên cạnh đó, phần lớn sản phẩm do các nhà máy sản xuất là xuất khẩu nên không phát sinh số thuế GTGT nộp NSNN,... (4) Thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh trầm lắng từ cuối năm 2019 đến nay, các dự án bất động sản do doanh nghiệp làm chủ đầu tư cũng như các dự án do tỉnh làm chủ đầu tư còn gặp nhiều vướng mắc về cơ chế nên khả năng trong năm 2027 triển khai chậm so với kế hoạch đặt ra. (5) Năm 2027, sẽ không còn phát sinh một số khoản thu đột biến trong năm 2026 như: thuế TNDN từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất khoảng 1.600 tỷ đồng, thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng vốn của Công ty TNHH HD Hyundai Eco Vina 153,5 tỷ đồng, thuế BVMT xuất bán cho quân đội 40 tỷ đồng, thuế TNCN từ các Công ty trong khu công nghiệp VSIP, từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất khoảng 103,5 tỷ đồng,... sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tốc độ tăng trưởng nguồn thu ngân sách trong năm 2027.

Tiến độ thực hiện một số dự án đầu tư, nhất là công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, giải ngân vốn đầu tư công và thủ tục đầu tư còn chậm, ảnh hưởng đến việc phát huy hiệu quả nguồn lực đầu tư. Nguồn nhân lực chất lượng cao còn hạn chế; năng suất lao động, trình độ quản trị doanh nghiệp, mức độ ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Chất lượng các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, giảm nghèo bền vững, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tuy được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều khó khăn; chênh lệch mức sống giữa các khu vực còn khá lớn. Biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển và các hiện tượng thời tiết cực đoan tác động đến sản xuất nông nghiệp, đời sống nhân dân và kết cấu hạ tầng tiếp tục là thách thức lớn.

II. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm 05 nhiệm vụ trọng tâm và 03 đột phá tại Nghị quyết. Duy trì đà tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững; đổi mới mô hình tăng trưởng trên cơ sở nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; phát huy tối đa tiềm năng, lợi

thể của Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, kinh tế biển và hệ thống hạ tầng chiến lược; đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và kinh tế tuần hoàn; cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển; phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tiếp tục sắp xếp lại tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; giữ vững ổn định chính trị - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, tăng cường liên kết vùng và mở rộng đối ngoại; phấn đấu đạt cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong năm 2027.

2. Chỉ tiêu chủ yếu

Dựa trên kết quả về tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi trong năm 2026; căn cứ, dự báo thời cơ và thuận lợi, hạn chế và thách thức ở trong nước và trên địa bàn tỉnh; báo cáo, đánh giá của các ngành, đơn vị có liên quan, tỉnh Quảng Ngãi xây dựng **02 Phương án** tăng trưởng kinh tế của tỉnh năm 2027, cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Phương án 1	Phương án 2
I	Tốc độ tăng trưởng GRDP	%	8,5 - 9,0	9,0 - 9,5
	<i>Trong đó</i>	%	8,61	9,33
1	Khu vực I (Nông, lâm nghiệp và thủy sản)	%	4 - 5	4 - 5
2	Khu vực II (Công nghiệp - Xây dựng)	%	10 - 11	12 - 13
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	%	11 - 12	13 - 14
3	Khu vực III (Dịch vụ)	%	9 - 10	9 - 10
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	5 - 6	5 - 6
II	Các yếu tố/điều kiện ảnh hưởng đến kết quả tăng trưởng theo từng phương án			
1	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Tỷ đồng	90.000	90.000
2	Giá trị sản xuất			
2.1	Khu vực I (Nông, lâm nghiệp và thủy sản)	%	4,93	4,93
+	<i>Nông nghiệp</i>	%	5,80	5,80
+	<i>Lâm nghiệp</i>	%	4,00	4,00
+	<i>Thủy sản</i>	%	3,00	3,00
2.2	Khu vực II (Công nghiệp - Xây dựng)	%	11,35	13,25
-	<i>Công nghiệp tăng</i>	%	12,09	14,18
+	<i>Sản lượng dầu</i>	Triệu tấn	7,2	7,9
+	<i>Sản lượng thép</i>	Triệu tấn	12,2	12,2
+	<i>Sản phẩm công nghiệp khác tăng</i>	%	14	14

-	Xây dựng tăng	%	4	4
2.3	Khu vực III (Dịch vụ)	%	9	9

Theo đó, các phương án tăng trưởng này được xây dựng trên cơ sở: Tỉnh Quảng Ngãi quyết tâm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong bối cảnh mới với không gian rộng lớn và nhiều tiềm năng, lợi thế, động lực mới để phát triển; đây là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu lực, hiệu quả các Nghị quyết đột phá chiến lược của Bộ Chính trị, các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá trong giai đoạn 2025-2030; tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, chất lượng các Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, dự lường một số yếu tố ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện của các ngành, lĩnh vực chủ yếu trong nền kinh tế của tỉnh, cụ thể là:

*** Phương án 1:** Ước tính giá trị sản xuất: (i) khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng khoảng 4,93% so với năm 2026 (*trong đó, nông nghiệp tăng 5,8%; lâm nghiệp tăng 4,0%; thủy sản tăng 3,0%*); (ii) khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 11,35%, trong đó, công nghiệp tăng 12,09% (năm 2027, dự kiến Nhà máy lọc dầu Dung Quất sản lượng đạt khoảng 7,2 triệu tấn⁶⁵ (*Năm 2026 đạt khoảng 7,9 triệu tấn; năm 2027, Nhà máy dự kiến thực hiện Bảo dưỡng tổng thể lần 6 với tổng thời gian thực hiện khoảng 32 ngày, nên dự kiến sản lượng sản xuất năm 2027 đạt khoảng 7,2 triệu tấn, hơn 90% so với năm 2026*); dự kiến thép năm 2027 đạt 12,2 triệu tấn⁶⁶ (*trong đó: (1) Dự án khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất dự kiến kế hoạch năm 2027 khoảng 6,1 triệu tấn; (2) Dự án khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 dự kiến kế hoạch năm 2027 khoảng 5,8 triệu tấn; (3) Dự án Ray và thép đặc biệt dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2027, sản lượng khoảng 0,25 triệu tấn, giá trị tăng thêm khoảng 1,3 lần, đạt 0,3 triệu tấn*); các ngành công nghiệp⁶⁷ ngoài dầu, thép tăng khoảng 14%), khu vực xây dựng tăng 4%; (iii) khu vực dịch vụ tăng khoảng 9%; (iv) vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt khoảng 90.000 tỷ đồng. Với giả định này, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đạt được như sau:

- (1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 8,5-9,0%;
- (2) Năng suất lao động xã hội tăng 7,0 - 8,0%;
- (3) GRDP bình quân đầu người khoảng 4.920 USD;

⁶⁵ Theo ý kiến của Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam tại Công văn số 4241/BRS-KTĐT ngày 24/6/2026.

⁶⁶ Theo ý kiến của Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất tại Công văn số 1177/2026/HPDQ-P.ĐN ngày 30/6/2026.

⁶⁷ Đồng thời, dự kiến có một số dự án mới đi vào hoạt động trong năm 2026-2027 sẽ góp phần tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, cụ thể: Nhà máy sản xuất vật dụng bể cá và đồ dùng thú nuôi Unice Quảng Ngãi; Nhà máy Amazing Ecotech Textile Quảng Ngãi; Nhà máy Taisan- Dung Quất; Dụng cụ thể dục, thể thao các loại; Bán thành phẩm đồ nội ngoại thất và thể dục thể thao các loại... một số dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh như: Đắk Mi 1, Đắk Mi 1A, Đắk Mek 3, Đắk Re Thượng, Đắk Lô 1, Đắk Lô 3, Trà Phong (Trà Phong 1A: 19MW; Trà Phong 1B: 11MW), Sông Liên 1, Sông Liên 2, Ba Vì, Đăkđinh 2, Trà Khúc 2,...

(4) Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 71 - 72%; *trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 43 - 44%*;

(5) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt khoảng 90.000 tỷ đồng.

* **Phương án 2:** Các yếu tố khác như **Phương án 1**. Riêng, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, tỉnh kiến nghị, đề xuất Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam chấp thuận tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2027 và điều chỉnh thời gian Bảo dưỡng tổng thể lần 6 sang năm 2028 (*như đã thực hiện Bảo dưỡng tổng thể lần 5, trong giai đoạn 2020-2024*) nhằm hỗ trợ, thúc đẩy tăng trưởng của tỉnh trong năm 2027 và giai đoạn 2026-2030, theo đó, dự kiến sản lượng dầu khoảng 7,9 triệu tấn (*bằng 100% năm 2026*), nên khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 13,25%; trong đó, công nghiệp tăng 14,18% so với năm 2026. Với giả định này, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đạt được như sau:

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 9,0-9,5%;

(2) Năng suất lao động xã hội tăng 8,0 - 9,0%;

(3) GRDP bình quân đầu người khoảng 4.950 USD;

(4) Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 71 - 72%; *trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 43 - 44%*;

(5) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt khoảng 90.000 tỷ đồng.

02 phương án nêu trên thực hiện trong tình hình tỉnh Quảng Ngãi đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án lớn, trọng điểm, có tác động lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, như: Đẩy nhanh triển khai xây dựng Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất; dự án Đường sắt tốc độ cao Bắc Nam (đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi), cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum; dự án mở rộng, nâng cấp QL 24 và 24B; dự án Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn III; dự án Mở rộng diện tích trồng Sâm Ngọc Linh lên 6.000 ha và xây dựng nhà máy chế biến sâu để nâng cao giá trị;... Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Dự án Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi và dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN VSIP II Quảng Ngãi,... với dự kiến tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt đến 90.000 tỷ đồng là phù hợp; trong đó, **Phương án 1** là phương án khả thi khi Nhà máy lọc dầu Dung Quất thực hiện Bảo dưỡng tổng thể lần 6; **Phương án 2** là rất khó khăn, thách thức, đi kèm với điều kiện phải được Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam **chấp thuận** điều chỉnh thời gian Bảo dưỡng tổng thể lần 6 từ năm 2027 sang năm 2028. Trong bối cảnh cả nước phấn đấu tăng trưởng 2 con số, tỉnh Quảng Ngãi cũng mong muốn nỗ lực đạt mục tiêu tăng trưởng cao hơn. Do đó, UBND tỉnh Quảng Ngãi đề xuất chọn **Phương án 2** làm phương án tăng trưởng năm 2027 của tỉnh để tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành nỗ lực phấn đấu nhằm quyết tâm duy trì sự ổn định, phát triển của nền kinh tế và góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 đã đề ra. Đồng thời, kế thừa hệ thống 16 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2026 và giai đoạn 2026-2030, theo đó, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 của tỉnh Quảng Ngãi với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

a) Nhóm chỉ tiêu về kinh tế: bao gồm 07 chỉ tiêu:

- (1) Phần đầu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 9,0-9,5%.
- (2) Năng suất lao động xã hội tăng 8,0 - 9,0%.
- (3) GRDP bình quân đầu người khoảng 4.950 USD.
- (4) Thu nhập bình quân đầu người tăng 9-10%.
- (5) Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 71 - 72%; *trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 43 - 44%*.
- (6) Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt 15%.
- (7) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt khoảng 90.000 tỷ đồng.

b) Nhóm chỉ tiêu về văn hóa, xã hội: bao gồm 05 chỉ tiêu:

- (8) Số bác sĩ/vận dân đạt 11,18 bác sĩ; số giường bệnh/vận dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 35 giường.
- (9) Có ít nhất 58,9% trường mầm non; 76,6% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia.
- (10) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội đạt 40,21%.
- (11) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 26%.
- (12) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều còn 3%⁶⁸.

c) Nhóm chỉ tiêu về tài nguyên, môi trường: bao gồm 02 chỉ tiêu.

- (13) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 59,69%.
- (14) Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 33,6%.

d) Nhóm chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh: bao gồm 02 chỉ tiêu.

- (15) Có 100% đơn vị hành chính cấp xã đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, trong đó vững mạnh toàn diện đạt khoảng 70%.
- (16) Có ít nhất 80% khu dân cư, đơn vị hành chính cấp xã, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

III. CÁC ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2027

1. Triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung chỉ đạo của Trung ương về phát triển kinh tế - xã hội

Tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm

⁶⁸ Số liệu chỉ tiêu Kế hoạch giảm nghèo năm 2027 được xây dựng trên số Dự kiến hộ nghèo đầu kỳ giai đoạn 2027-2030 là 21.927 hộ, tỷ lệ 4% (do đến cuối tháng 12/2026 mới có kết quả số liệu hộ nghèo đầu kỳ theo chuẩn nghèo giai đoạn 2027-2030). Do đó, sau khi có kết quả rà soát chính thức số liệu đầu kỳ giai đoạn 2027-2030 vào cuối tháng 12/2026 theo quy định tại Thông tư 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh sẽ đề xuất điều chỉnh lại chỉ tiêu Kế hoạch năm 2027 để đảm bảo chuẩn xác với kết quả chính thức đầu giai đoạn 2027-2030.

kỳ 2025-2030, các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và các Nghị quyết đột phá chiến lược của Bộ Chính trị và các Kế hoạch, Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện các Nghị quyết đột phá của Bộ Chính trị. Triển khai thực hiện hiệu quả, đầy đủ các văn bản chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng gắn với mục tiêu tăng trưởng “2 con số” giai đoạn 2026-2030 (*Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Trung ương; Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ; Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 25/3/2026 và Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 21/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 12/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chương trình số 13-CTr/ĐU ngày 14/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh; các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo khác có liên quan*).

Chủ động rà soát, xây dựng các phương án, kịch bản điều hành và quyết liệt chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội năm 2027. Rà soát, xử lý các dự án có khó khăn, vướng mắc tại địa phương theo thẩm quyền, bảo đảm đúng tinh thần kết luận của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội, Nghị định số 147/2026/NĐ-CP ngày 07/5/2026 của Chính phủ và quy định, hướng dẫn có liên quan. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Tập trung thực hiện nhiệm vụ, giải pháp thu, chi ngân sách nhà nước

Tăng cường chỉ đạo, điều hành công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, phấn đấu tăng thu so với dự toán Trung ương giao; thu hồi kịp thời nợ đọng thuế, chống thất thu ngân sách nhà nước; tổ chức theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách nhà nước; quản lý từng nguồn thu, sắc thuế; thực hiện thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước; xây dựng phương án và triển khai thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, đảm bảo hoàn thành dự toán thu tiền sử dụng đất; tăng cường công tác quản lý thu thuế đối với tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn; đẩy mạnh quản lý thu thuế thương mại điện tử, thực hiện nghiêm quy định về hóa đơn điện tử. Quản lý, điều hành chi ngân sách nhà nước theo đúng quy định, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; công khai minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước.

Phân bổ kế hoạch đầu tư công phù hợp với nguồn lực và tình hình thực tiễn của địa phương. Tập trung vốn cho các dự án trọng điểm, cấp thiết, có tác động lan tỏa lớn, có khả năng giải ngân nhanh, sớm phát huy hiệu quả; chủ động xử lý, tháo gỡ kịp thời những tồn tại, vướng mắc, khó khăn, nhất là trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư để bàn giao mặt bằng thi công, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án,... Lập kế hoạch giải ngân đối với từng dự án; kịp thời điều chuyển vốn đối với các dự án không có khả năng giải ngân hoặc giải ngân không hết sang các dự án có khả năng giải ngân tốt và có nhu cầu bổ sung vốn; phấn đấu giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn đầu tư công (bao gồm các Chương trình mục tiêu quốc gia) gắn với bảo đảm chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; lấy kết quả giải ngân vốn đầu tư công đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.

3. Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế

Cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới với trọng tâm là nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Phát triển các mô hình kinh tế mới. Triển khai có hiệu quả Nghị quyết 79/NQ-TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước, phát huy vai trò chủ đạo, tiên phong, dẫn dắt của kinh tế nhà nước, nâng cao hiệu quả quản trị, quản lý và sử dụng các nguồn lực nhà nước trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, xác định phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế, kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể cùng các loại hình kinh tế khác giữ vai trò quan trọng; Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tập trung thu hút một số dự án lớn từ nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong các lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuỗi cung ứng thông minh, năng lượng sạch, các dự án có sự liên kết, hợp tác về chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực chất lượng cao, chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài.

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả, chất lượng Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27/02/2026, cùng với quy hoạch vùng và quốc gia; khẩn trương hoàn thiện công tác lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh; phát triển không gian kinh tế hợp lý, khai thác tốt tiềm năng biển, ven biển, Khu kinh tế Dung Quất và Khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y; đồng thời đẩy mạnh thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp sạch, dịch vụ, logistics và du lịch chất lượng cao; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong xã hội theo phương thức đối tác công tư. Đổi mới và nâng cao chất lượng quy hoạch. Phát triển đô thị phù hợp với xu hướng đô thị thông minh, xanh, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, tập trung nâng cao chất lượng đô thị.

Chủ động phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Công Thương sớm hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án xây dựng trung tâm lọc, hoá dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất; tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Đề án sau khi được phê duyệt. Tích cực phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xây dựng hoàn thiện Đề án cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh cho đặc khu Lý Sơn và tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án sau khi được phê duyệt cùng với Đề án phát triển đặc khu Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thành trung tâm du lịch biển - đảo. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 10/5/2026 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; Nghị quyết số 08/NQ/TU ngày 24/6/2026 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong xã hội. Trọng tâm là: (i) Chủ động thúc đẩy mối liên kết giữa Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y với Khu kinh tế mở Chu Lai để hình thành trung tâm công nghiệp trọng điểm của khu vực và cả nước. Hình thành Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất; (ii) Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp; ưu tiên phát triển nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao; kinh tế lâm nghiệp, kinh tế dược liệu, với trọng tâm là sâm Ngọc Linh và các loài dược liệu đặc hữu, cây ăn quả, rau hoa xứ lạnh, tỏi Lý Sơn, cây công nghiệp; phần đầu trở thành vùng trọng điểm dược liệu của quốc gia; (iii) Phát huy những tiềm năng, lợi thế đặc biệt của tỉnh cùng các giá trị văn hóa, lịch sử, con người để thu hút đầu tư, phát triển du lịch với các hạt nhân tạo thành tam giác phát triển du lịch thế mạnh của tỉnh: Trung tâm du lịch biển - đảo Lý Sơn, Khu du lịch Măng Đen, Di tích quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh.

4. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển theo chiều sâu

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 07/NQ/TU ngày 24/6/2026 của Tỉnh ủy về phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn trên địa bàn tỉnh; trong đó, đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo; chuyển dịch cơ cấu các ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển theo chiều sâu, đa dạng hóa các ngành công nghiệp; phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch Tái cơ cấu ngành công thương tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ; Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 30/3/2026 về thực hiện Chiến lược phát triển ngành thép giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 261/QĐ-TTg ngày 09/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Đẩy mạnh đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Ưu tiên đầu tư hạ tầng kết nối, đầu tư đồng bộ hạ tầng thiết yếu cụm công nghiệp đang hoạt động và các cụm công nghiệp đầu tư hạ tầng dở dang, nhất là hạ tầng giao thông, điện, cấp thoát nước, hạ tầng bảo vệ môi trường cụm công nghiệp đáp ứng nhu cầu thu hút các dự án thứ cấp trong cụm công nghiệp; Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đưa vào khai thác vận hành các cụm công nghiệp đã thành lập. Quan tâm đầu tư hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp phía Tây Quảng Ngãi, vùng miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn. Đồng thời tăng cường thu hút đầu tư và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp mới trong quy hoạch.

Tập trung xúc tiến những ngành nghề, lĩnh vực trọng điểm vào Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y với Khu kinh tế mở Chu Lai để hình thành trung tâm công nghiệp trọng điểm của khu vực và cả nước, đặc biệt là các ngành nghề liên quan đến sử dụng cảng biển nước sâu, các dự án có nhu cầu sử dụng quỹ đất rộng, các dự án gắn với nguồn nguyên liệu tại chỗ; thu hút

các dự án thuộc lĩnh vực phụ trợ cho ngành công nghiệp luyện cán thép; chuỗi dự án sản xuất các sản phẩm sau thép, cơ khí chế tạo, gia công hàng xuất khẩu; các dự án dịch vụ hậu cần cảng biển, dịch vụ logistics.

Rà soát, kiểm tra tình hình thực hiện các dự án địa bàn tỉnh, nhất là các dự án khu dân cư, khu đô thị đã cấp Quyết định chủ trương đầu tư nhưng chậm tiến độ kéo dài qua nhiều năm, không triển khai thực hiện để xử lý hoặc thu hồi theo quy định, tạo điều kiện cho công tác thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến. Đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghiệp trọng điểm, như Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, các dự án nguồn điện trên địa bàn tỉnh (dự án thủy điện Trà Phong, Ba Vì, Sơn Nham, Sơn Linh, Đắk Mi 1A, Đắk Lô 1, Đắk Lô 3, Pô Cô 1...),... nhằm tạo năng lực sản xuất mới. Tăng cường tháo gỡ khó khăn về giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp để thu hút nhà đầu tư.

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong đó, tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh; hướng dẫn, hỗ trợ, đôn đốc Nhà đầu tư các dự án điện gió, điện mặt trời, thủy điện đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư, các dự án đã xác định cụ thể danh mục dự án đầu tư trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh trên địa bàn tỉnh sớm hoàn thành thủ tục đầu tư để triển khai thực hiện đầu tư xây dựng đảm bảo tiến độ đưa vào vận hành, phát điện.

5. Phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ, các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng cao; phát triển du lịch

Tập trung phát triển, khai thác các ngành dịch vụ có lợi thế. Khai thác tối đa tiềm năng lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, bản sắc văn hóa, di tích lịch sử, di sản vật thể và phi vật thể... để thu hút du khách. Tăng cường quảng bá, xây dựng và giới thiệu các sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương như du lịch biển - đảo, sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh... Phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, nhất là trong các lĩnh vực du lịch, thương mại điện tử, tài chính, ngân hàng, y tế, giáo dục, logistics, các dịch vụ mới của nền kinh tế số, có giá trị gia tăng cao. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh.

Phát huy những tiềm năng, cùng các giá trị văn hóa, lịch sử, con người để thu hút đầu tư, phát triển du lịch với các hạt nhân tạo thành tam giác phát triển du lịch thế mạnh của tỉnh: Trung tâm du lịch biển - đảo Lý Sơn, Khu du lịch Măng Đen, Di tích quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh. Phát triển du lịch với định hướng “ba quốc gia, một điểm đến”. Hình thành các tuyến du lịch kết nối giữa cao nguyên và biển đảo trên cơ sở phát huy sự đa dạng bản sắc văn hóa của mỗi vùng miền, của các đồng bào dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử, văn hóa, thắng cảnh mang đậm bản sắc Tây Nguyên. Phát triển đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch như: Du lịch sinh thái, nông nghiệp; du lịch văn hóa, lịch sử; du

lịch nghỉ dưỡng; du lịch cộng đồng; ưu tiên sản phẩm du lịch đặc trưng, có bản sắc riêng. Phát triển Khu du lịch Mỹ Khê để sớm được công nhận là khu du lịch quốc gia; phát triển Khu du lịch Măng Đen thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Thu hút các nhà đầu tư chiến lược để đầu tư tổ hợp khu đô thị - dịch vụ - du lịch nghỉ dưỡng, giải trí quy mô lớn, chất lượng cao dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, đặc khu Lý Sơn, Khu du lịch Thạch Bích - Núi Chúa, núi Cà Đam,... Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, tổ chức xúc tiến và quảng bá du lịch của tỉnh.

6. Phát triển nông, lâm, thủy sản hiệu quả, bền vững, giá trị gia tăng cao

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững; phát triển các ngành hàng chủ lực, lợi thế theo vùng, miền; nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh và thích ứng với biến đổi khí hậu; thực hiện quyết liệt chuyển đổi diện tích đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng hàng năm khác có giá trị kinh tế cao. Phấn đấu 100% vùng nguyên liệu chủ lực được cấp mã số vùng trồng (MSVT) và cơ sở đóng gói đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu. Tập trung phát triển các vùng chuyên canh cây ăn quả, rau, hoa và đặc biệt là tỏi Lý Sơn. Đẩy mạnh kết nối thị trường, quảng bá sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; nâng cao vị thế và giá trị nông sản của tỉnh trên thị trường quốc tế. Đẩy mạnh liên kết sản xuất, nhân rộng mô hình liên kết 4 nhà phát triển sản phẩm nông nghiệp hàng hóa. Tiếp tục phát triển chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp đối với sản phẩm chủ lực, đặc trưng, có thế mạnh.

Tăng cường phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Ngãi nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó: Phát triển kinh tế biển đồng bộ cả công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản, hạ tầng cảng biển, logistics. Phát triển thủy sản bền vững, hiện đại tàu cá và nâng cao hiệu quả khai thác thủy sản xa bờ; tập trung nuôi trồng các loại thủy sản có lợi thế, có tính cạnh tranh cao. Thực hiện nghiêm một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

Tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn. Kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp lấn chiếm, khai thác, xâm phạm trái phép rừng phòng hộ, hoạt động săn bắt, tận diệt các nguồn đa dạng sinh học. Tăng cường áp dụng các biện pháp để giảm xói mòn đất và nước trong sản xuất nông nghiệp, chống đất bị bạc màu và tăng độ phì cho đất canh tác. Quản lý tốt hoạt động mở đường tự phát gây xói mòn, sạt lở núi trong khai thác rừng keo hiện nay. Phát triển ngành lâm nghiệp bền vững gắn với bảo tồn đa dạng sinh học; phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, đặc biệt là giá trị các-bon rừng; mở rộng diện tích trồng Sâm Ngọc Linh lên mức 3.922 ha. Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 59,69%.

Chuyển dịch mạnh mẽ từ chăn nuôi nông hộ sang chăn nuôi trang trại quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và tự động hóa. Kiểm soát chặt chẽ các dịch bệnh thông qua xây dựng vùng an toàn dịch bệnh và tiêm phòng đạt tỷ lệ cao. Phát triển ngành chăn nuôi đồng bộ từ nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực chế biến, bảo quản và cung ứng các sản phẩm chăn nuôi ra thị trường. Tăng cường hỗ trợ xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, sản xuất, kinh doanh gắn với chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, tăng cường liên kết hợp tác với các thành phần kinh tế khác; tăng cường hoạt động hỗ trợ cho các tổ chức kinh tế tập thể, HTX nhằm nâng cao năng lực sản xuất, sức cạnh tranh và khả năng thích nghi trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cách mạng công nghiệp lần thứ tư và biến đổi khí hậu.

7. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; phát triển đô thị và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 11/5/2026 của Tỉnh ủy về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đẩy mạnh liên kết nội vùng, liên kết vùng, quốc gia và Đề án thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển đô thị văn minh, hiện đại tại các khu vực trung tâm và một số đô thị động lực ở các khu vực có lợi thế để tập trung huy động các nguồn lực đầu tư phát triển đô thị, trong đó, tích cực phối hợp để đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án hạ tầng giao thông quan trọng trên địa bàn tỉnh như tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các thủ tục sớm đầu tư tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum; Cảng hàng không Măng Đen theo quy hoạch. Đẩy nhanh tiến độ các dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm, có tính kết nối, lan tỏa: Đầu tư cải tạo, nâng cấp các đoạn còn lại từ Km32 - Km89+513, Quốc lộ 24; Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong; Đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh, giai đoạn III; Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 676 nối Kon Plông với các xã miền núi thuộc tỉnh Quảng Ngãi cũ; Đường Trường chinh (đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường Đào Duy Từ - phạm vi cầu nối qua sông Đăk Bla); Đường trục chính phía Tây thành phố Kon Tum;... Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các thủ tục đầu tư dự án để khởi công mới theo kế hoạch.

Phát triển đô thị gắn với những đột phá về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan theo hướng đô thị sinh thái, văn minh, thông minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; dần hình thành các đô thị sinh thái, thông minh dọc hai bên bờ sông Trà Khúc, sông Đăk Bla, gắn kết giữa bảo tồn thiên nhiên và phát triển hiện đại; định hướng phát triển một số đô thị động lực ở các khu vực có lợi thế như: Đông Nam Dung Quất; Măng Đen. Tổ chức điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, làm cơ sở để tổ chức lập, công nhận đô thị, thành lập đơn vị hành chính đô thị (trong đó tập trung, ưu tiên cho các đô thị mới: Lý Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành); Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030. Phát triển Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp, các trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch theo hướng đa trung tâm tạo mạng lưới liên kết chặt chẽ giữa các địa phương.

Tiếp tục rà soát, cập nhật quỹ đất phát triển Nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê

trong các quy hoạch đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế và Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, tạo quỹ đất sạch một số khu để xúc tiến, thu hút nhà đầu tư. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai dự án; phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu xây dựng 1.700 căn hộ nhà ở xã hội được giao tại Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 12/01/2026 của Chính phủ.

Tập trung nguồn lực xây dựng nông thôn mới theo hướng toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa và phát triển kinh tế nông thôn; duy trì và phát huy kết quả xây dựng thôn (làng) nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn.

8. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội

Tháo gỡ các nút thắt, khơi thông, giải phóng, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số. Đồng hành cùng doanh nghiệp và hình thành đội ngũ doanh nhân có tâm, có tầm, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế của tỉnh. Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước; nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án có hàm lượng khoa học, công nghệ và giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, các ngành, lĩnh vực mà tỉnh có lợi thế so sánh; chú trọng thu hút các dự án đầu tư có công nghệ hiện đại, ít tiêu tốn tài nguyên; ưu tiên kêu gọi đầu tư các lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, chế biến, chế tạo,...

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 06/4/2026 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính; nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, gắn với đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030; trong đó, tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp; thực hiện có hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông; đẩy nhanh số hóa, tăng cường tích hợp, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu, tạo chuyển biến rõ nét trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến, góp phần giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp, người dân. Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

9. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh. Thực hiện rà soát, sắp xếp, củng cố mạng lưới trường lớp học, huy động có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường thiết bị dạy học đảm bảo chuẩn hóa, đồng bộ. Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống của người học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các phương tiện truyền thông trong dạy

và học, kiên quyết khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, chú trọng hơn nữa việc dạy cách học, khuyến khích tự học, tự cập nhật và đổi mới tri thức; hoàn thiện hệ thống giáo dục trên địa bàn tỉnh theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo; chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức công dân, đa dạng hóa các hình thức học tập, các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; bảo đảm an toàn trường học, vệ sinh trường học, môi trường sư phạm thân thiện, lành mạnh; chủ động hội nhập, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; trong đó, tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh các tuyến, đặc biệt y tế cơ sở; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế chuyên môn, tinh thần thái độ phục vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ sở khám, chữa bệnh; đẩy mạnh kêu gọi đầu tư phát triển y tế kỹ thuật cao, dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe. Khuyến khích các cơ sở y tế công lập liên kết với các cá nhân, doanh nghiệp để đầu tư các trang thiết bị y tế tiên tiến, hiện đại, phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh, phòng bệnh cho Nhân dân; tăng cường công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động hành nghề y dược tư nhân; các hoạt động liên kết tại các bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh. Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin, thiết bị y tế có chất lượng, an toàn, hiệu quả, giá hợp lý cho công tác công tác chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe Nhân dân. Triển khai thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển BHXH, BHYT trên địa bàn tỉnh: Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH (bao gồm BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện) 28,00%; Tỷ lệ dân số tham gia BHYT 96,00%.

Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hoá Việt Nam; trong đó, tăng cường bảo vệ và phát huy những giá trị tốt đẹp, bền vững trong văn hóa truyền thống; tiếp thu, chọn lọc các giá trị văn hóa hiện đại tích cực để xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững. Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể. Tiếp tục thực hiện tốt việc khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa, truyền thống của các dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử cách mạng gắn với phát triển du lịch. Phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng, phát triển các môn thể thao chuyên nghiệp, thành tích cao mà tỉnh có thể mạnh.

Triển khai thực hiện có hiệu quả việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ; chú trọng hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tích cực, chủ động tiếp cận, áp dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế - xã hội và thu nhập của Nhân dân; thực hiện có hiệu quả Chương trình hỗ

trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi.

Tổ chức hiệu quả công tác tư vấn, hướng nghiệp, phân luồng sau THCS và THPT; tăng cường liên kết giữa nhà trường với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp trong đào tạo, thực hành, thực tập. Phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu thị trường lao động, các khu công nghiệp, khu kinh tế; nâng cao tỷ lệ học sinh học nghề, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh. Giải quyết các chế độ chính sách cho người có công với cách mạng đảm bảo kịp thời, đúng quy định. Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, các chính sách cho những người yếu thế trong xã hội; công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới và phòng chống tệ nạn xã hội.

Triển khai hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia; tổ chức chu đáo, tiết kiệm, hiệu quả các hoạt động kỷ niệm, các sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước, của tỉnh; tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các xã miền núi; thực hiện tốt các chính sách dân tộc, nhất là hỗ trợ định canh, định cư, đất ở, đất sản xuất, nhà ở đối với dân tộc thiểu số và hộ nghèo.

10. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công tác đo đạc lập bản đồ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) đất đai cấp xã để nâng cao hiệu quả quản trị. Kiên quyết thực hiện thu hồi đất đối với các dự án “chiếm đất” nhưng chậm triển khai để ưu tiên quỹ đất cho các công trình hạ tầng quốc gia và dự án đầu tư có hiệu quả cao. Tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định.

Siết chặt quản lý, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong khai thác tài nguyên, khoáng sản. Bảo vệ và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước. Khuyến khích thu hút các dự án đầu tư xanh, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên, ít phát thải nhà kính để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững; kiên quyết không thu hút các dự án công nghệ lạc hậu, tiêu tốn tài nguyên. Thực hiện hiệu quả, chất lượng công tác đánh giá tác động môi trường khi triển khai thực hiện các dự án đầu tư. Tăng cường thanh, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, giải quyết triệt để các vấn đề bức xúc liên quan đến rác thải, ô nhiễm môi trường. Từng bước thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn. Đẩy mạnh cấp chứng chỉ rừng (FSC) và triển khai thí điểm dịch vụ hấp thụ carbon rừng để tạo nguồn thu từ kinh tế xanh.

Chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; quản lý chặt chẽ công tác vận hành, thực hiện kiểm tra an toàn đập, hồ chứa thủy lợi trước mùa mưa lũ. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng kịp thời và chủ động ở các vùng dễ bị tác động, ảnh hưởng thiên tai, nhất là trọng điểm dân cư sinh sống, sản xuất tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai. Hoàn thiện và đưa vào vận hành Hệ thống CSDL phòng chống thiên tai tích hợp lên

Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh. Thực hiện hiệu quả các đề án phòng chống sạt lở, xâm nhập mặn và ứng phó với nước biển dâng. Rà soát, củng cố các lực lượng, phương tiện, vật tư, hậu cần để tổ chức tốt công tác phòng chống thiên tai theo phương châm “04 tại chỗ” khi xảy ra, không để bị động, bất ngờ.

11. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; đẩy mạnh cải cách hành chính; chuyển đổi số

Triển khai hiệu quả Kế hoạch phát động phong trào thi đua cải cách hành chính; nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, gắn với đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030; trong đó, đẩy mạnh cải cách công vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm đáp ứng yêu cầu mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, nâng cao chất lượng phục vụ. Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa 100% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không cụ thể. Tăng cường kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực thi công vụ.

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Tiếp tục rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và HĐND tỉnh, UBND tỉnh Kon Tum (cũ) ban hành chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy.

Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để cải thiện và nâng cao điểm số, thứ hạng của 06 Chỉ số: Cải cách hành chính (PAR INDEX), năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) và Đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII).

Tiếp tục triển khai hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm vận hành thông suốt, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả gắn với cải cách hành chính; rà soát, hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực phù hợp. Xây dựng hoàn thiện vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị, địa phương làm cơ sở cơ cấu, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện giải quyết tinh giản biên chế theo quy định. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức về quản lý nhà nước, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng số và kỹ năng thực thi công vụ.

Quyết liệt thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Thực hiện chuyển đổi số trên cả 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Trọng tâm là phát triển các nền tảng số để cung cấp dịch vụ theo nhu cầu của tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân. Nâng cao chất

lượng nguồn nhân lực cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân, đặc biệt là về chuyển đổi số, kỹ năng số thông qua Phong trào Bình dân học vụ số.

Hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển đổi số theo Đề án “Chuyển đổi số các doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2026-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; trong đó, tập trung chuyển đổi từ mô hình quản lý sang ứng dụng nền tảng số (quản trị thông minh, truy xuất nguồn gốc sản phẩm bằng mã QR, blockchain), thúc đẩy thương mại điện tử. Thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp và dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh. Phát triển, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng, sức cạnh tranh, sáng tạo; trong đó: Phát triển dịch vụ bưu chính để làm hạ tầng chuyển phát và logistics cho thương mại điện tử; phát triển dịch vụ viễn thông, hạ tầng kết nối nền kinh tế số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên địa bàn tỉnh; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ và của tỉnh trên địa bàn tỉnh. Tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nâng tỷ lệ, số lượng thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Tăng cường bảo vệ an toàn trên môi trường mạng thông qua tuyên truyền nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức, phổ cập kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin cho người dân. Đẩy mạnh quản lý, giám sát thông tin trên mạng, đấu tranh, phản bác kịp thời các thông tin xấu độc, sai sự thật gây ảnh hưởng không tốt đối với đời sống xã hội.

12. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác nội chính và đối ngoại

Tăng cường công tác nắm, dự báo, đánh giá sát tình hình, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh trật tự (ANTT), kịp thời xử lý tốt các tình huống, không để bị động, bất ngờ, nhất là các vụ khiếu kiện liên quan đến phát triển các dự án kinh tế, không để xảy ra các “điểm nóng” phức tạp về ANTT. Mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp các loại tội phạm nguy hiểm, nhất là các băng nhóm, hoạt động “tín dụng đen”, đối tượng trộm cắp tài sản, đòi tiền bảo kê doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về ANTT gắn với triển khai quyết liệt các giải pháp ứng dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, căn cước công dân; các tiện ích của Đề án số 06 của Chính phủ để phục vụ công tác quản lý xã hội và phòng, chống tội phạm. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông, phấn đấu giảm tai nạn giao thông cả 03 tiêu chí.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở; tập trung xử lý các vụ khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài, vượt cấp, không để phát sinh điểm nóng. Thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện tốt công tác về kiểm soát tài sản thu nhập theo quy định.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới và Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 19/5/2026 của Bộ Chính trị về đường lối đối ngoại Đại hội XIV của Đảng. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về mục tiêu, vai trò, nhiệm vụ và tầm quan trọng của ngoại giao văn hóa trong thời kỳ hội nhập quốc tế; Chiến lược ngoại giao văn hóa của Chính phủ và chương trình, kế hoạch hành động của tỉnh về công tác ngoại giao văn hóa.

Nâng cao hiệu quả các hoạt động giới thiệu, quảng bá thông tin, hình ảnh của tỉnh, danh mục dự án kêu gọi đầu tư, viện trợ ODA, NGO,... Đẩy mạnh các hoạt động giao lưu, hợp tác hữu nghị truyền thống với các địa phương của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Vương quốc Campuchia. Tăng cường mở rộng, thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước trên thế giới (trong đó, có các nước tiểu vùng sông Mê Kông, ASEAN, khu vực Đông Bắc Á); mở rộng, thiết lập quan hệ hữu nghị hợp tác với các cơ quan ngoại giao, các địa phương và doanh nghiệp nước ngoài; thực hiện tốt công tác tổ chức và quản lý hội nghị hội thảo quốc tế, công tác bảo hộ công dân đối với công dân địa phương có liên quan đến yếu tố nước ngoài, công tác lãnh sự đối với người nước ngoài tại địa phương, công tác MIA; tăng cường quản lý đoàn ra, đoàn vào theo đúng quy định,...

Tăng cường công tác hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh; nâng cao hiệu quả công tác ngoại giao Nhân dân, ngoại giao văn hóa và thông tin đối ngoại; triển khai có hiệu quả công tác đối với Người Việt Nam ở nước ngoài; tăng cường các hoạt động thông tin tuyên truyền đối ngoại, nhất là về bảo vệ chủ quyền biển - đảo. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có hiệu lực, các cam kết trong WTO và Cộng đồng kinh tế ASEAN để mở rộng thị trường xuất khẩu, nhập khẩu.

Kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên; 
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh, phụ trách địa bàn tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng, ban, đơn vị;
- Lưu: VT, KTTH._{NTT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Ngọc